

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO BÁC SĨ NỘI TRÚ (150 ĐVHT)
CHUYÊN NGÀNH: CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH; MÃ SỐ: NT 62 72 05 01
 (Kèm theo Quyết định số 4832/QĐ-ĐHYD ngày 31 tháng 12 năm 2020)

STT	Tên chứng chỉ	Số ĐVHT	Lý thuyết	Thực hành	Bộ môn giảng dạy
I. Phần chung: 22 ĐVHT					
1.	Triết học	4	4	0	Bộ môn Triết
2.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	2	1	TT Giáo dục Y học
3.	Sư phạm y học	3	2	1	TT Giáo dục Y học
4.	Ngoại ngữ	3	2	1	Bộ môn Ngoại ngữ
5.	Tin học nâng cao	3	2	1	Bộ môn Tin học
6.	Sinh học phân tử	3	2	1	TT Sinh học phân tử
7.	Y đức - Xã hội học	3	2	1	Bộ môn YĐXHH
II. Cơ sở - Hỗ trợ: 23 ĐVHT					
1.	Thống kê y học	3	2	1	Bộ môn Thống kê Y học và Tin học
2.	Giải phẫu	5	3	2	Bộ môn Giải phẫu
3.	Giải phẫu bệnh	5	3	2	Bộ môn Giải phẫu bệnh
4.	Ngoại thần kinh	5	3	2	Bộ môn Ngoại thần kinh
5.	Ngoại tổng quát	5	3	2	Bộ môn Ngoại tổng quát
III. Chuyên ngành: 77 ĐVHT					
1. Lý thuyết - Thực hành: 48 ĐVHT					
1.	Kỹ thuật hình ảnh	3	2	1	Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh
2.	Hình ảnh học cấp cứu	4	2	2	Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh
3.	Hình ảnh học lồng ngực	4	2	2	Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh
4.	Hình ảnh học tim mạch	4	2	2	Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh
5.	Hình ảnh học hệ tiêu hóa - gan mật	4	2	2	Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh
6.	Hình ảnh học hệ niệu dục	4	2	2	Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh
7.	Hình ảnh học hệ thần kinh	4	2	2	Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh

8.	Hình ảnh học hệ cơ xương khớp	4	2	2	Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh
9.	Hình ảnh học sản phụ khoa	4	2	2	Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh
10.	Hình ảnh học nhi khoa	4	2	2	Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh
11.	Y học hạt nhân	3	3	0	Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh
12.	Hình ảnh học can thiệp	3	2	1	Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh
2. Kỹ năng thực hành: 29 ĐVHT					
STT	Tên kỹ năng thực hành	Số ĐVHT	Lý thuyết	Thực hành	Bộ môn giảng dạy
1.	Kỹ thuật chụp X quang qui ước: Nội dung: Thực hiện được các kỹ thuật chụp X quang thường qui và đặc biệt (số lượng: 80 ca không cân quang, 20 ca có cân quang)	2	0	2	Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh
2.	Đọc kết quả X quang qui ước: Nội dung: Hoàn thành chỉ tiêu đọc kết quả X quang: 1. SỌ: 65 2. XOANG: 65 3. NGỰC: 650 4. KUB: 130 5. ASP: 250 6. CỘT SỐNG: 250 cổ 3 thể, 250 thắt lưng 7. KHỚP HÁNG: 65 8. KHỚP VAI, KHỚP GÓI: 65	5	0	5	Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh
3.	Kỹ thuật siêu âm: Nội dung: Thực hiện thành thạo siêu âm bụng, tuyến giáp, tuyến vú, Doppler động mạch cảnh, động-tĩnh mạch chi dưới (số lượng: 500 ca bụng & phần mềm + 20 ca doppler mạch máu)	5	0	5	Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh
4.	Kỹ thuật chụp X quang cắt lớp vi tính: Nội dung: Thực hiện được các kỹ thuật chụp X quang cắt lớp vi tính và sử dụng thành thạo các phần mềm hậu xử lý cơ bản (số lượng: 50)	2	0	2	Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh
5.	Đọc kết quả X quang cắt lớp vi tính: Nội dung: Hoàn thành chỉ tiêu đọc kết quả X quang cắt lớp vi tính: 1. SỌ NÃO: 250 chấn thương, 250 khác 2. CT XOANG: 250 3. NGỰC: 400 4. BỤNG CHẬU: 400	5	0	5	Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh

	5. CỘT SỐNG: 12				
6.	Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ: Nội dung: Thực hiện được các kỹ thuật chụp cộng hưởng từ và sử dụng thành thạo các phần mềm hậu xử lý cơ bản (số lượng: 30)	2	0	2	Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh
7.	Đọc kết quả cộng hưởng từ: Nội dung: Hoàn thành chỉ tiêu đọc kết quả cộng hưởng từ: 1. SỌ NÃO: 40 2. CỘT SỐNG: 40 thoát vị đĩa đệm, 12 khác 3. BỤNG: 25 4. SÀN CHẬU: 7 5. PHỤ KHOA: 7 6. TIỀN LIỆT TUYẾN: 7 7. KHỚP VAI: 15 8. KHỚP GỐI: 30	5	0	5	Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh
8.	Thực hành hình ảnh học can thiệp: Nội dung: Hoàn thành chỉ tiêu thực hiện can thiệp: - Thực hiện: chọc động mạch 5 ca, phụ 2 ca não, 2 ca TACE, 1 ca khác - Thực hiện được kỹ thuật chọc FNA giáp, vú (mỗi loại 3 ca) - Thực hiện được kỹ thuật chọc hút dẫn lưu các ổ tụ dịch trong chẩn đoán và điều trị (3ca) - Thực hiện được sinh thiết dưới hướng dẫn của siêu âm và CT (2 ca) - Biết được nguyên lý và trình tự thực hiện kỹ thuật hủy u bằng sóng cao tần (RFA), kiến tập 5 ca.	3	0	3	Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh
9.	Thực hiện chuyên đề: Nội dung: Nộp và trình bày 1 chuyên đề theo phân công của bộ môn (tổng quan của đề tài luận văn tốt nghiệp)- trình bày trên file word và powerpoint.	1	0	1	Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh
10.	Thực hành trợ giảng: Nội dung: Hoàn thành 1 bài giảng và giảng dạy sinh viên thực tập tại bệnh viện.	2	0	2	Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh

IV. Phần tốt nghiệp: 28 ĐVHT

1. Viết luận văn tốt nghiệp: 06 ĐVHT

2. Ôn thi:

- Chuyên môn: 06 ĐVHT

- Ngoại ngữ: 04 ĐVHT

3. Thi tốt nghiệp:

- **Ngoại ngữ chuyên ngành:** 02 ĐVHT

- **Chuyên ngành:**

+ Lý thuyết: 02 ĐVHT

+ Thực hành: 04 ĐVHT

+ Trình luận văn tốt nghiệp: 04 ĐVHT

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Nguyễn Hoàng Bắc

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO BÁC SĨ NỘI TRÚ (150 ĐVHT)
CHUYÊN NGÀNH: CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH; MÃ SỐ: NT 62 72 07 25
(Kèm theo Quyết định số 4832/QĐ-ĐHYD ngày 31 tháng 12 năm 2020)

STT	Tên chứng chỉ	Số ĐVHT	Lý thuyết	Thực hành	Bộ môn giảng dạy
I. Phần chung: 22 ĐVHT					
1.	Triết học	4	4	0	Bộ môn Triết
2.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	2	1	TT Giáo dục Y học
3.	Sư phạm y học	3	2	1	TT Giáo dục Y học
4.	Ngoại ngữ	3	2	1	Bộ môn Ngoại ngữ
5.	Tin học nâng cao	3	2	1	Bộ môn Tin học
6.	Sinh học phân tử	3	2	1	TT Sinh học phân tử
7.	Y đức - Xã hội học	3	2	1	Bộ môn YĐXHH
II. Cơ sở - Hỗ trợ: 23 ĐVHT					
1.	Thống kê y học	3	2	1	Bộ môn Thống kê Y học và Tin học
2.	Chẩn đoán hình ảnh	5	2	3	Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh
3.	Hồi sức và cấp cứu	5	2	3	Bộ môn Hồi sức cấp cứu và chống độc
4.	Chăm sóc giảm nhẹ	5	2	3	Bộ môn Chăm sóc giảm nhẹ
5.	Viết báo cáo khoa học đăng tạp chí quốc tế	5	2	3	Khoa Y tế công cộng
III. Chuyên ngành: 77 ĐVHT					
1. Lý thuyết - Thực hành: 48 ĐVHT					
1.	Đại cương chấn thương cơ quan vận động	4	2	2	Bộ môn Chấn thương chỉnh hình
2.	Chấn thương xương khớp chi trên	9	3	6	Bộ môn Chấn thương chỉnh hình
3.	Chấn thương xương khớp chi dưới	9	3	6	Bộ môn Chấn thương chỉnh hình
4.	Chấn thương cột sống	4	2	2	Bộ môn Chấn thương chỉnh hình
5.	Chấn thương xương khớp trẻ em	4	2	2	Bộ môn Chấn thương chỉnh hình
6.	Các kỹ thuật cơ bản trong chấn thương chỉnh hình	6	3	3	Bộ môn Chấn thương chỉnh hình
7.	Bệnh lý cơ quan vận động	6	3	3	Bộ môn Chấn thương chỉnh hình

8.	Phục hồi chức năng trong chấn thương cơ quan vận động	6	3	3	Bộ môn Chấn thương chỉnh hình
2. Kỹ năng thực hành: 29 ĐVHT					
STT	Tên kỹ năng thực hành	Số ĐVHT	Lý thuyết	Thực hành	Bộ môn giảng dạy
1.	Sơ cứu, cấp cứu bệnh nhân gãy xương, đa thương	3	0	3	Bộ môn Chấn thương chỉnh hình
2.	Nắn xương, bó bột, kéo liên tục	2	0	2	Bộ môn Chấn thương chỉnh hình
3.	Cắt lọc vết thương	4	0	4	Bộ môn Chấn thương chỉnh hình
4.	Ghép da và xoay da	3	0	3	Bộ môn Chấn thương chỉnh hình
5.	Kỹ thuật kết hợp xương chi trên	4	0	4	Bộ môn Chấn thương chỉnh hình
6.	Kỹ thuật kết hợp xương chi dưới	4	0	4	Bộ môn Chấn thương chỉnh hình
7.	Cố định ngoài các loại	3	0	3	Bộ môn Chấn thương chỉnh hình
8.	Khâu nối gân, mạch máu, thần kinh	4	0	4	Bộ môn Chấn thương chỉnh hình
9.	Chọc dò khớp, tiêm khớp, dẫn lưu khớp	2	0	2	Bộ môn Chấn thương chỉnh hình

IV. Phần tốt nghiệp: 28 ĐVHT

1. Viết luận văn tốt nghiệp: 06 ĐVHT

2. Ôn thi:

- Chuyên môn: 06 ĐVHT

- Ngoại ngữ: 04 ĐVHT

3. Thi tốt nghiệp:

- Ngoại ngữ chuyên ngành: 02 ĐVHT

- Chuyên ngành:

+ Lý thuyết: 02 ĐVHT

+ Thực hành: 04 ĐVHT

+ Trình luận văn tốt nghiệp: 04 ĐVHT

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Nguyễn Hoàng Bắc

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO BÁC SĨ NỘI TRÚ (150 ĐVHT)

CHUYÊN NGÀNH: DA LIỄU; MÃ SỐ: NT 62 72 35 01

(Kèm theo Quyết định số 4832/QĐ-ĐHYD ngày 31 tháng 12 năm 2020)

STT	Tên chứng chỉ	Số ĐVHT	Lý thuyết	Thực hành	Bộ môn giảng dạy
I. Phần chung: 22 ĐVHT					
1.	Triết học	4	4	0	Bộ môn Triết
2.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	2	1	TT Giáo dục Y học
3.	Sư phạm y học	3	2	1	TT Giáo dục Y học
4.	Ngoại ngữ	3	2	1	Bộ môn Ngoại ngữ
5.	Tin học nâng cao	3	2	1	Bộ môn Tin học
6.	Sinh học phân tử	3	2	1	TT Sinh học phân tử
7.	Y đức - Xã hội học	3	2	1	Bộ môn YĐXHH
II. Cơ sở - Hỗ trợ: 23 ĐVHT					
1.	Thống kê y học	3	2	1	Bộ môn Thống kê Y học và Tin học
2.	Chẩn đoán hình ảnh	5	2	3	Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh
3.	Hồi sức và cấp cứu	5	2	3	Bộ môn Hồi sức cấp cứu và chống độc
4.	Chăm sóc giảm nhẹ	5	2	3	Bộ môn Chăm sóc giảm nhẹ
5.	Viết báo cáo khoa học đăng tạp chí quốc tế	5	2	3	Khoa Y tế công cộng
III. Chuyên ngành: 77 ĐVHT					
1. Lý thuyết - Thực hành: 45 ĐVHT					
1.	Da liễu đại cương	4,5	3	1,5	Bộ môn Da liễu
2.	Bệnh da miễn dịch và dị ứng	7,5	4,5	3	Bộ môn Da liễu
3.	Bệnh da nhiễm trùng	6	4,5	1,5	Bộ môn Da liễu
4.	Bệnh phong	4,5	3	1,5	Bộ môn Da liễu
5.	Bệnh lây truyền qua đường tình dục	6	4,5	1,5	Bộ môn Da liễu
6.	Bệnh da liên quan nội tiết thai kì	6	4,5	1,5	Bộ môn Da liễu
7.	Thẩm mỹ da	4,5	3	1,5	Bộ môn Da liễu
8.	Bệnh da khác (Rối loạn sắc tố, di truyền, chuyển hóa, dinh dưỡng)	6	4,5	1,5	Bộ môn Da liễu

2. Kỹ năng thực hành: 32 ĐVHT					
STT	Tên kỹ năng thực hành	Số ĐVHT	Lý thuyết	Thực hành	Bộ môn giảng dạy
1.	Khám da, làm hồ sơ bệnh án	5	0	5	Bộ môn Da liễu
2.	Khám và tư vấn bệnh lây truyền qua đường tình dục	3	0	3	Bộ môn Da liễu
3.	Khám bệnh phong và thực hiện kỹ thuật vật lý trị liệu trong bệnh phong	3	0	3	Bộ môn Da liễu
4.	Công tác chỉ đạo tuyến	4	0	4	Bộ môn Da liễu
5.	Điều trị Laser CO2 và đốt điện các bệnh da	4	0	4	Bộ môn Da liễu
6.	Sinh thiết các thương tổn da	3	0	3	Bộ môn Da liễu
7.	Chấm nitơ lỏng, trichloroacetic acid và các hóa chất khác trong điều trị bệnh da	4	0	4	Bộ môn Da liễu
8.	Thực hành thẩm mỹ da cơ bản: LED, IPL, peeling	2	0	2	Bộ môn Da liễu
9.	Cách lấy bệnh phẩm và đọc kết quả trong bệnh da liễu	4	0	4	Bộ môn Da liễu

IV. Phần tốt nghiệp: 28 ĐVHT

1. Viết luận văn tốt nghiệp: 06 ĐVHT

2. Ôn thi:

- Chuyên môn: 06 ĐVHT
- Ngoại ngữ: 04 ĐVHT

3. Thi tốt nghiệp:

- Ngoại ngữ chuyên ngành: 02 ĐVHT
- Chuyên ngành:

- + Lý thuyết: 02 ĐVHT
- + Thực hành: 04 ĐVHT
- + Trình luận văn tốt nghiệp: 04 ĐVHT

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Nguyễn Hoàng Bắc

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO BÁC SĨ NỘI TRÚ (150 ĐVHT)
CHUYÊN NGÀNH: GÂY MÊ HỒI SỨC; MÃ SỐ: NT 62 72 33 01
 (Kèm theo Quyết định số 4832/QĐ-ĐHYD ngày 31 tháng 12 năm 2020)

STT	Tên chứng chỉ	Số ĐVHT	Lý thuyết	Thực hành	Bộ môn giảng dạy
I. Phần chung: 22 ĐVHT					
1.	Triết học	4	4	0	Bộ môn Triết
2.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	2	1	TT Giáo dục Y học
3.	Sư phạm y học	3	2	1	TT Giáo dục Y học
4.	Ngoại ngữ	3	2	1	Bộ môn Ngoại ngữ
5.	Tin học nâng cao	3	2	1	Bộ môn Tin học
6.	Sinh học phân tử	3	2	1	TT Sinh học phân tử
7.	Y đức - Xã hội học	3	2	1	Bộ môn YĐXHH
II. Cơ sở - Hỗ trợ: 23 ĐVHT					
1.	Thống kê y học	3	2	1	Bộ môn Thống kê Y học và Tin học
2.	Chẩn đoán hình ảnh	5	2	3	Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh
3.	Hồi sức và cấp cứu	5	2	3	Bộ môn Hồi sức cấp cứu và chống độc
4.	Chăm sóc giảm nhẹ	5	2	3	Bộ môn Chăm sóc giảm nhẹ
5.	Viết báo cáo khoa học đăng tạp chí quốc tế	5	2	3	Khoa Y tế công cộng
III. Chuyên ngành: 77 ĐVHT					
1. Lý thuyết - Thực hành: 45 ĐVHT					
1.	Gây mê hồi sức cơ bản	9	3	6	Bộ môn Gây mê hồi sức
2.	Gây mê hồi sức cơ sở	9	3	6	Bộ môn Gây mê hồi sức
3.	Dược lâm sàng trong Gây mê hồi sức	6	3	3	Bộ môn Gây mê hồi sức
4.	Vô cảm vùng và điều trị đau	3	1,5	1,5	Bộ môn Gây mê hồi sức
5.	Gây mê hồi sức chuyên ngành	9	4,5	4,5	Bộ môn Gây mê hồi sức
6.	Hồi sức chuyên ngành	6	3	3	Bộ môn Gây mê hồi sức
7.	Gây mê hồi sức nhi	3	1,5	1,5	Bộ môn Gây mê hồi sức

2. Kỹ năng thực hành: 32 ĐVHT					
STT	Tên kỹ năng thực hành	Số ĐVHT	Lý thuyết	Thực hành	Bộ môn giảng dạy
1.	Quản lý đường thở: đặt ống nội khí quản, ống nội phế quản, mặt nạ thanh quản, các kỹ thuật xử trí đường thở khó	10	0	10	Bộ môn Gây mê hồi sức
2.	Hồi sức huyết động: chích tĩnh mạch trung tâm, theo dõi huyết áp xâm lấn	4	0	4	Bộ môn Gây mê hồi sức
3.	Gây tê vùng: Tê trực thần kinh trung ương, tê thần kinh ngoại vi	12	0	12	Bộ môn Gây mê hồi sức
4.	Hỗ trợ hô hấp: thở máy, thông khí không xâm lấn	6	0	6	Bộ môn Gây mê hồi sức

IV. Phần tốt nghiệp: 28 ĐVHT

1. Viết luận văn tốt nghiệp: 06 ĐVHT

2. Ôn thi:

- Chuyên môn: 06 ĐVHT

- Ngoại ngữ: 04 ĐVHT

3. Thi tốt nghiệp:

- Ngoại ngữ chuyên ngành: 02 ĐVHT

- Chuyên ngành:

+ Lý thuyết: 02 ĐVHT

+ Thực hành: 04 ĐVHT

+ Trình luận văn tốt nghiệp: 04 ĐVHT

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Nguyễn Hoàng Bắc

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO BÁC SĨ NỘI TRÚ (150 ĐVHT)
CHUYÊN NGÀNH: GIẢI PHẪU BỆNH

(Kèm theo Quyết định số 4832/QĐ-ĐHYD ngày 31 tháng 12 năm 2020)

STT	Tên chứng chỉ	Số ĐVHT	Lý thuyết	Thực hành	Bộ môn giảng dạy
I. Phần chung: 22 ĐVHT					
1.	Triết học	4	4	0	Bộ môn Triết
2.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	2	1	TT Giáo dục Y học
3.	Sư phạm y học	3	2	1	TT Giáo dục Y học
4.	Ngoại ngữ	3	2	1	Bộ môn Ngoại ngữ
5.	Tin học nâng cao	3	2	1	Bộ môn Tin học
6.	Sinh học phân tử	3	2	1	TT Sinh học phân tử
7.	Y đức - Xã hội học	3	2	1	Bộ môn YĐXHH
II. Cơ sở - Hỗ trợ: 23 ĐVHT					
1.	Thống kê y học	3	2	1	Bộ môn Thống kê Y học và Tin học
2.	Ung thư	4	1	3	Bộ môn Ung thư
3.	Mô	4	2	2	Bộ môn Giải phẫu bệnh
4.	Phôi thai học đại cương	4	2	2	Bộ môn Giải phẫu bệnh
5.	Hình ảnh soi cổ tử cung	4	2	2	Bộ môn Phụ Sản
6.	Hình ảnh nội soi tiêu hóa	4	2	2	Bộ môn
III. Chuyên ngành: 77 ĐVHT					
1. Lý thuyết - Thực hành: 45 ĐVHT					
1.	Bệnh học đại cương (khoa học bệnh học)	3	3	0	Bộ môn Giải phẫu bệnh
2.	Sinh học và bệnh học phân tử của ung thư	2	2	0	Bộ môn Giải phẫu bệnh
3.	Bệnh học tuyến giáp	2	1	1	Bộ môn Giải phẫu bệnh
4.	Bệnh học đường hô hấp	2	1	1	Bộ môn Giải phẫu bệnh
5.	Bệnh học hệ tiêu hóa	4	2	2	Bộ môn Giải phẫu bệnh
6.	Bệnh học tuyến vú	2	1	1	Bộ môn Giải phẫu bệnh

7.	Bệnh học hệ sinh dục nữ	2	1	1	Bộ môn Giải phẫu bệnh
8.	Bệnh học mô lymphô	2	1	1	Bộ môn Giải phẫu bệnh
9.	Bệnh học Gan – Đường Mật – Tụy	2	1	1	Bộ môn Giải phẫu bệnh
10.	Bệnh học vùng đầu cổ	4	2	2	Bộ môn Giải phẫu bệnh
11.	Bệnh học hệ sinh dục nam	2	1	1	Bộ môn Giải phẫu bệnh
12.	Bệnh học xương, khớp và phần mềm	2	1	1	Bộ môn Giải phẫu bệnh
13.	Bệnh học hệ thận - niệu	2	1	1	Bộ môn Giải phẫu bệnh
14.	Bệnh học hệ thần kinh trung ương	2	1	1	Bộ môn Giải phẫu bệnh
15.	Bệnh học hệ nội tiết	2	1	1	Bộ môn Giải phẫu bệnh
16.	Bệnh học da	2	1	1	Bộ môn Giải phẫu bệnh
17.	Kỹ thuật giải phẫu bệnh	2	1	1	Bộ môn Giải phẫu bệnh
18.	Ứng dụng Hóa Mô Miễn Dịch trong chẩn đoán giải phẫu bệnh	2	1	1	Bộ môn Giải phẫu bệnh
19.	Bệnh học tế bào	4	2	2	Bộ môn Giải phẫu bệnh

2. Kỹ năng thực hành: 32 ĐVHT

STT	Tên kỹ năng thực hành	Số ĐVHT	Lý thuyết	Thực hành	Bộ môn giảng dạy
1.	Chọc hút tế bào bằng kim nhỏ	4	0	4	Bộ môn Giải phẫu bệnh
2.	Đánh giá tiêu bản hóa mô miễn dịch	2	0	2	Bộ môn Giải phẫu bệnh
3.	Kỹ năng cắt lọc bệnh phẩm	4	0	4	Bộ môn Giải phẫu bệnh
4.	Kỹ năng cắt lạnh	2	0	2	Bộ môn Giải phẫu bệnh
5.	Thực hiện thành thạo các quy trình xử lý bệnh phẩm giải phẫu bệnh	4	0	4	Bộ môn Giải phẫu bệnh
6.	Thực hiện các quy trình xử lý và nhuộm bệnh phẩm tế bào học	4	0	4	Bộ môn Giải phẫu bệnh
7.	Thực hiện các kỹ thuật sinh học phân tử trong giải phẫu bệnh	4	0	4	Bộ môn Giải phẫu bệnh
8.	Thực hiện bệnh án đối chiếu giải phẫu bệnh - lâm sàng	8	0	8	Bộ môn Giải phẫu bệnh

IV. Phần tốt nghiệp: 28 ĐVHT

1. Viết luận văn tốt nghiệp: 06 ĐVHT

2. Ôn thi:

- Chuyên môn: 06 ĐVHT

- Ngoại ngữ: 04 ĐVHT

3. Thi tốt nghiệp:

- Ngoại ngữ chuyên ngành: 02 ĐVHT

- Chuyên ngành:

+ Lý thuyết: 02 ĐVHT

+ Thực hành: 04 ĐVHT

+ Trình luận văn tốt nghiệp: 04 ĐVHT

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Nguyễn Hoàng Bắc

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO BÁC SĨ NỘI TRÚ (150 ĐVHT)
CHUYÊN NGÀNH: HỒI SỨC CẤP CỨU; MÃ SỐ: NT 62 72 31 01
(Kèm theo Quyết định số 4832/QĐ-ĐHYD ngày 31 tháng 12 năm 2020)

STT	Tên chứng chỉ	Số ĐVHT	Lý thuyết	Thực hành	Bộ môn giảng dạy
I. Phần chung: 22 ĐVHT					
1.	Triết học	4	4	0	Bộ môn Triết
2.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	2	1	TT Giáo dục Y học
3.	Sư phạm y học	3	2	1	TT Giáo dục Y học
4.	Ngoại ngữ	3	2	1	Bộ môn Ngoại ngữ
5.	Tin học nâng cao	3	2	1	Bộ môn Tin học
6.	Sinh học phân tử	3	2	1	TT Sinh học phân tử
7.	Y đức - Xã hội học	3	2	1	Bộ môn YĐXHH
II. Cơ sở - Hỗ trợ: 23 ĐVHT					
1.	Thống kê y học	3	2	1	Bộ môn Thống kê Y học và Tin học
2.	Chẩn đoán hình ảnh	5	2	3	Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh
3.	Tim mạch	5	2	3	Bộ môn Nội tổng quát
4.	Chăm sóc giảm nhẹ	5	2	3	Bộ môn Chăm sóc giảm nhẹ
5.	Viết báo cáo khoa học đăng tạp chí quốc tế	5	2	3	Khoa Y tế công cộng
III. Chuyên ngành: 77 ĐVHT					
1. Lý thuyết - Thực hành: 45 ĐVHT					
1.	Hồi sức nội khoa	10	2	8	Bộ môn Hồi sức cấp cứu và chống độc
2.	Hồi sức ngoại khoa	8	2	6	Bộ môn Hồi sức cấp cứu và chống độc
3.	Cấp cứu	6	2	4	Bộ môn Hồi sức cấp cứu và chống độc
4.	Chống độc lâm sàng	6	2	4	Bộ môn Hồi sức cấp cứu và chống độc
5.	Hồi sức cấp cứu nhi	4	2	2	Bộ môn Hồi sức cấp cứu và chống độc
6.	Hồi sức thần kinh	3	1	2	Bộ môn Hồi sức cấp cứu và chống độc
7.	Thông khí cơ học	4	2	2	Bộ môn Hồi sức cấp cứu và chống độc
8.	Điều trị thay thế thận liên tục	4	2	2	Bộ môn Hồi sức cấp cứu và chống độc

2. Kỹ năng thực hành: 32 ĐVHT					
STT	Tên kỹ năng thực hành	Số ĐVHT	Lý thuyết	Thực hành	Bộ môn giảng dạy
1.	Kiểm soát đường thở	8	0	8	Bộ môn Hồi sức cấp cứu và chống độc
2.	Hồi sức tuần hoàn	8	0	8	Bộ môn Hồi sức cấp cứu và chống độc
3.	Theo dõi huyết động	8	0	8	Bộ môn Hồi sức cấp cứu và chống độc
4.	Điều chỉnh các rối loạn điện giải toan kiềm	8	0	8	Bộ môn Hồi sức cấp cứu và chống độc

IV. Phần tốt nghiệp: 28 ĐVHT

1. Viết luận văn tốt nghiệp: 06 ĐVHT

2. Ôn thi:

- Chuyên môn: 06 ĐVHT

- Ngoại ngữ: 04 ĐVHT

3. Thi tốt nghiệp:

- Ngoại ngữ chuyên ngành: 02 ĐVHT

- Chuyên ngành:

+ Lý thuyết: 02 ĐVHT

+ Thực hành: 04 ĐVHT

+ Trình luận văn tốt nghiệp: 04 ĐVHT

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Nguyễn Hoàng Bắc

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO BÁC SĨ NỘI TRÚ (150 ĐVHT)
CHUYÊN NGÀNH: HUYẾT HỌC – TRUYỀN MÁU; MÃ SỐ: NT 62 72 25 01
(Kèm theo Quyết định số 4832/QĐ-ĐHYD ngày 31 tháng 12 năm 2020)

STT	Tên chứng chỉ	Số ĐVHT	Lý thuyết	Thực hành	Bộ môn giảng dạy
I. Phần chung: 22 ĐVHT					
1.	Triết học	4	4	0	Bộ môn Triết
2.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	2	1	TT Giáo dục Y học
3.	Sư phạm y học	3	2	1	TT Giáo dục Y học
4.	Ngoại ngữ	3	2	1	Bộ môn Ngoại ngữ
5.	Tin học nâng cao	3	2	1	Bộ môn Tin học
6.	Sinh học phân tử	3	2	1	TT Sinh học phân tử
7.	Y đức - Xã hội học	3	2	1	Bộ môn YĐXHH
II. Cơ sở - Hỗ trợ: 23 ĐVHT					
1.	Thống kê y học	3	2	1	Bộ môn Thống kê Y học và Tin học
2.	Chẩn đoán hình ảnh	5	2	3	Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh
3.	Hồi sức và cấp cứu	5	2	3	Bộ môn Hồi sức cấp cứu và chống độc
4.	Miễn dịch trong ghép tế bào gốc	5	2	3	Bộ môn Huyết học
5.	Sinh học phân tử trong huyết học	5	2	3	Bộ môn Huyết học
III. Chuyên ngành: 77 ĐVHT					
1. Lý thuyết - Thực hành: 45 ĐVHT					
1.	Huyết học – truyền máu đại cương	4	4	0	Bộ môn Huyết học
2.	Tế bào học	10	3	7	Bộ môn Huyết học
3.	Miễn dịch học	10	3	7	Bộ môn Huyết học
4.	Đông máu và huyết khối	4	2	2	Bộ môn Huyết học
5.	Ngân hàng máu – Truyền máu	4	2	2	Bộ môn Huyết học
6.	Huyết học lâm sàng	13	4	9	Bộ môn Huyết học
2. Kỹ năng thực hành: 32 ĐVHT					

STT	Tên kỹ năng thực hành	Số ĐVHT	Lý thuyết	Thực hành	Bộ môn giảng dạy
1.	Tủy đồ	6	0	6	Bộ môn Huyết học
2.	Chọc dò dịch não tủy - bơm thuốc vào kênh tủy	8	0	8	Bộ môn Huyết học
3.	Kỹ thuật đặt sonde TM trung ương để sử dụng cho hóa trị liệu	10	0	10	Bộ môn Huyết học
4.	Sinh thiết tủy	8	0	8	Bộ môn Huyết học

IV. Phần tốt nghiệp: 28 ĐVHT

1. Viết luận văn tốt nghiệp: 06 ĐVHT

2. Ôn thi:

- Chuyên môn: 06 ĐVHT

- Ngoại ngữ: 04 ĐVHT

3. Thi tốt nghiệp:

- Ngoại ngữ chuyên ngành: 02 ĐVHT

- Chuyên ngành:

+ Lý thuyết: 02 ĐVHT

+ Thực hành: 04 ĐVHT

+ Trình luận văn tốt nghiệp: 04 ĐVHT

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Nguyễn Hoàng Bắc

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO BÁC SĨ NỘI TRÚ (150 ĐVHT)

CHUYÊN NGÀNH: LAO; MÃ SỐ: NT 62 72 24 01

(Kèm theo Quyết định số 4832/QĐ-ĐHYD ngày 31 tháng 12 năm 2020)

STT	Tên chứng chỉ	Số ĐVHT	Lý thuyết	Thực hành	Bộ môn giảng dạy
I. Phần chung: 22 ĐVHT					
1.	Triết học	4	4	0	Bộ môn Triết
2.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	2	1	TT Giáo dục Y học
3.	Sur phạm y học	3	2	1	TT Giáo dục Y học
4.	Ngoại ngữ	3	2	1	Bộ môn Ngoại ngữ
5.	Tin học nâng cao	3	2	1	Bộ môn Tin học
6.	Sinh học phân tử	3	2	1	TT Sinh học phân tử
7.	Y đức - Xã hội học	3	2	1	Bộ môn YĐXHH
II. Cơ sở - Hỗ trợ: 23 ĐVHT					
1.	Thống kê y học	3	2	1	Bộ môn Thống kê Y học và Tin học
2.	Chẩn đoán hình ảnh	5	2	3	Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh
3.	Hồi sức và cấp cứu	5	2	3	Bộ môn Hồi sức cấp cứu và chống độc
4.	Chăm sóc giảm nhẹ	5	2	3	Bộ môn Chăm sóc giảm nhẹ
5.	Viết báo cáo khoa học đăng tạp chí quốc tế	5	2	3	Khoa Y tế công cộng
III. Chuyên ngành: 77 ĐVHT					
1. Lý thuyết - Thực hành: 45 ĐVHT					
1.	Cơ bản phổi học	5	5	0	Bộ môn Lao và bệnh phổi
2.	Các thể bệnh lao phổi	11	5	6	Bộ môn Lao và bệnh phổi
3.	Lao ngoài phổi	6	3	3	Bộ môn Lao và bệnh phổi
4.	X quang và CT scan ngực trong bệnh phổi	7	2	5	Bộ môn Lao và bệnh phổi
5.	Chương trình chống lao quốc gia	5	2	3	Bộ môn Lao và bệnh phổi
6.	Bệnh phổi không Lao	11	5	6	Bộ môn Lao và bệnh phổi

2. Kỹ năng thực hành: 32 ĐVHT					
STT	Tên kỹ năng thực hành	Số ĐVHT	Lý thuyết	Thực hành	Bộ môn giảng dạy
1.	Các thủ thuật cơ bản trong lao và bệnh phổi	8	0	8	Bộ môn Lao và bệnh phổi
2.	Điều trị hỗ trợ trong bệnh lao	4	0	4	Bộ môn Lao và bệnh phổi
3.	Xử trí suy hô hấp cấp tính và mạn tính	8	0	8	Bộ môn Lao và bệnh phổi
4.	Sinh thiết phổi qua hướng dẫn của CT scan	4	0	4	Bộ môn Lao và bệnh phổi
5.	Nội soi phế quản	8	0	8	Bộ môn Lao và bệnh phổi

IV. Phần tốt nghiệp: 28 ĐVHT

1. Viết luận văn tốt nghiệp: 06 ĐVHT

2. Ôn thi:

- Chuyên môn: 06 ĐVHT

- Ngoại ngữ: 04 ĐVHT

3. Thi tốt nghiệp:

- Ngoại ngữ chuyên ngành: 02 ĐVHT

- Chuyên ngành:

+ Lý thuyết: 02 ĐVHT

+ Thực hành: 04 ĐVHT

+ Trình luận văn tốt nghiệp: 04 ĐVHT

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Nguyễn Hoàng Bắc

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO BÁC SĨ NỘI TRÚ (150 ĐVHT)

CHUYÊN NGÀNH: LÃO KHOA; MÃ SỐ: NT 62 72 20 30

(Kèm theo Quyết định số 4832/QĐ-ĐHYD ngày 31 tháng 12 năm 2020)

STT	Tên chứng chỉ	Số ĐVHT	Lý thuyết	Thực hành	Bộ môn giảng dạy
I. Phần chung: 22 ĐVHT					
1.	Triết học	4	4	0	Bộ môn Triết
2.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	2	1	TT Giáo dục Y học
3.	Sư phạm y học	3	2	1	TT Giáo dục Y học
4.	Ngoại ngữ	3	2	1	Bộ môn Ngoại ngữ
5.	Tin học nâng cao	3	2	1	Bộ môn Tin học
6.	Sinh học phân tử	3	2	1	TT Sinh học phân tử
7.	Y đức - Xã hội học	3	2	1	Bộ môn YĐXHH
II. Cơ sở - Hỗ trợ: 23 ĐVHT					
1.	Thống kê y học	3	2	1	Bộ môn Thống kê Y học và Tin học
2.	Chẩn đoán hình ảnh	5	2	3	Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh
3.	Hồi sức và cấp cứu	5	2	3	Bộ môn Hồi sức cấp cứu và chống độc
4.	Chăm sóc giảm nhẹ	5	2	3	Bộ môn Chăm sóc giảm nhẹ
5.	Viết báo cáo khoa học đăng tạp chí quốc tế	5	2	3	Khoa Y tế công cộng
III. Chuyên ngành: 77 ĐVHT					
1. Lý thuyết - Thực hành: 45 ĐVHT					
1.	Tích tuổi học đại cương	4	4	0	Bộ môn Lão khoa
2.	Biến đổi cấu trúc và chức năng của hệ cơ quan theo tuổi	4	4	0	Bộ môn Lão khoa
3.	Hội chứng Lão hóa	7	2	5	Bộ môn Lão khoa
4.	Các bệnh thường gặp ở người cao tuổi	15	5	10	Bộ môn Lão khoa
5.	Dinh dưỡng ở người cao tuổi	4	1	3	Bộ môn Lão khoa
6.	Chăm sóc cuối đời	3	0	3	Bộ môn Lão khoa
7.	Thần kinh	4	1	3	Bộ môn Thần kinh
8.	Nội tiết	4	1	3	Bộ môn Nội tiết

2. Kỹ năng thực hành: 32 ĐVHT					
STT	Tên kỹ năng thực hành	Số ĐVHT	Lý thuyết	Thực hành	Bộ môn giảng dạy
1.	Tiếp cận Lão khoa toàn diện ở người cao tuổi	4	0	4	Bộ môn Lão khoa
2.	Đánh giá các hoạt động chức năng thể chất và nhận thức ở người cao tuổi	4	0	4	Bộ môn Lão khoa
3.	Đánh giá được nguy cơ té ngã ở người cao tuổi	4	0	4	Bộ môn Lão khoa
4.	Đánh giá được mức độ suy yếu ở người cao tuổi	4	0	4	Bộ môn Lão khoa
5.	Áp dụng được các kỹ năng chăm sóc giảm nhẹ và chăm sóc cuối đời ở người cao tuổi	4	0	4	Bộ môn Lão khoa
6.	Thực hiện các bước chẩn đoán xác định và điều trị một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi	4	0	4	Bộ môn Lão khoa
7.	Thực hiện các bước điều trị ban đầu theo phác đồ một số bệnh cấp cứu ở người cao tuổi	4	0	4	Bộ môn Lão khoa
8.	Phân tích 01 bài báo khoa học nghiên cứu trên người cao tuổi	4	0	4	Bộ môn Lão khoa

IV. Phần tốt nghiệp: 28 ĐVHT

1. Viết luận văn tốt nghiệp: 06 ĐVHT

2. Ôn thi:

- Chuyên môn: 06 ĐVHT

- Ngoại ngữ: 04 ĐVHT

3. Thi tốt nghiệp:

- Ngoại ngữ chuyên ngành: 02 ĐVHT

- Chuyên ngành:

+ Lý thuyết: 02 ĐVHT

+ Thực hành: 04 ĐVHT

+ Trình luận văn tốt nghiệp: 04 ĐVHT

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Nguyễn Hoàng Bắc

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO BÁC SĨ NỘI TRÚ (150 ĐVHT)
CHUYÊN NGÀNH: NGOẠI – LÒNG NGỰC; MÃ SỐ: NT 62 72 07 05
(Kèm theo Quyết định số 4832/QĐ-ĐHYD ngày 31 tháng 12 năm 2020)

STT	Tên chứng chỉ	Số ĐVHT	Lý thuyết	Thực hành	Bộ môn giảng dạy
I. Phần chung: 22 ĐVHT					
1.	Triết học	4	4	0	Bộ môn Triết
2.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	2	1	TT Giáo dục Y học
3.	Sư phạm y học	3	2	1	TT Giáo dục Y học
4.	Ngoại ngữ	3	2	1	Bộ môn Ngoại ngữ
5.	Tin học nâng cao	3	2	1	Bộ môn Tin học
6.	Sinh học phân tử	3	2	1	TT Sinh học phân tử
7.	Y đức - Xã hội học	3	2	1	Bộ môn YĐXHH
II. Cơ sở - Hỗ trợ: 23 ĐVHT					
1.	Thống kê y học	3	2	1	Bộ môn Thống kê Y học và Tin học
2.	Chẩn đoán hình ảnh	5	2	3	Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh
3.	Hồi sức và cấp cứu	5	2	3	Bộ môn Hồi sức cấp cứu và chống độc
4.	Chăm sóc giảm nhẹ	5	2	3	Bộ môn Chăm sóc giảm nhẹ
5.	Viết báo cáo khoa học đăng tạp chí quốc tế	5	2	3	Khoa Y tế công cộng
III. Chuyên ngành: 77 ĐVHT					
1. Lý thuyết - Thực hành: 45 ĐVHT					
1.	Bệnh lý màng ngoài tim và u tim	2	1	1	Bộ môn Ngoại lồng ngực
2.	Bệnh lý thành ngực và cơ hoành	2	1	1	Bộ môn Ngoại lồng ngực
3.	Bệnh tĩnh mạch và bạch mạch	2	1	1	Bộ môn Ngoại lồng ngực
4.	Can thiệp nội mạch	2	1	1	Bộ môn Ngoại lồng ngực

5.	Chấn thương và vết thương ngực	3	1	2	Bộ môn Ngoại lồng ngực
6.	Ghép tim phổi và ghép mảnh ghép đồng loại	2	1	1	Bộ môn Ngoại lồng ngực
7.	Hình ảnh học lồng ngực và tim mạch	2	1	1	Bộ môn Ngoại lồng ngực
8.	Hồi sức tim mạch	2	1	1	Bộ môn Ngoại lồng ngực
9.	Nội soi lồng ngực trong chẩn đoán và điều trị	2	1	1	Bộ môn Ngoại lồng ngực
10.	Phẫu thuật khí - phế quản	2	1	1	Bộ môn Ngoại lồng ngực
11.	Phẫu thuật mạch máu lớn	3	1	2	Bộ môn Ngoại lồng ngực
12.	Phẫu thuật mạch máu ngoại biên	3	1	2	Bộ môn Ngoại lồng ngực
13.	Phẫu thuật mạch vành	3	1	2	Bộ môn Ngoại lồng ngực
14.	Phẫu thuật phổi và màng phổi	3	1	2	Bộ môn Ngoại lồng ngực
15.	Phẫu thuật thực quản	2	1	1	Bộ môn Ngoại lồng ngực
16.	Phẫu thuật tim bẩm sinh	3	1	2	Bộ môn Ngoại lồng ngực
17.	Phẫu thuật tim ít xâm lấn và phẫu thuật nội soi	2	1	1	Bộ môn Ngoại lồng ngực
18.	Phẫu thuật trung thất và tuyến giáp	2	1	1	Bộ môn Ngoại lồng ngực
19.	Phẫu thuật van tim	3	1	2	Bộ môn Ngoại lồng ngực

2. Kỹ năng thực hành: 32 ĐVHT

STT	Tên kỹ năng thực hành	Số ĐVHT	Lý thuyết	Thực hành	Bộ môn giảng dạy
1.	Kỹ năng can thiệp nội mạch	2	0	2	Bộ môn Ngoại lồng ngực
2.	Kỹ năng phẫu thuật lồng ngực trung thất	6	0	6	Bộ môn Ngoại lồng ngực
3.	Kỹ năng phẫu thuật mạch máu	6	0	6	Bộ môn Ngoại lồng ngực
4.	Kỹ năng phẫu thuật nội soi ít xâm lấn	6	0	6	Bộ môn Ngoại lồng ngực
5.	Kỹ năng phẫu thuật tim bẩm sinh	6	0	6	Bộ môn Ngoại lồng ngực
6.	Kỹ năng phẫu thuật tim mắc phải	6	0	6	Bộ môn Ngoại lồng ngực

IV. Phân tốt nghiệp: 28 ĐVHT

1. Viết luận văn tốt nghiệp: 06 ĐVHT

2. Ôn thi:

- Chuyên môn: 06 ĐVHT

- Ngoại ngữ: 04 ĐVHT

3. Thi tốt nghiệp:

- Ngoại ngữ chuyên ngành: 02 ĐVHT

- Chuyên ngành:

+ Lý thuyết: 02 ĐVHT

+ Thực hành: 04 ĐVHT

+ Trình luận văn tốt nghiệp: 04 ĐVHT

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Nguyễn Hoàng Bắc

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO BÁC SĨ NỘI TRÚ (150 ĐVHT)
CHUYÊN NGÀNH: NGOẠI – NỘI; MÃ SỐ: NT 62 72 07 35
(Kèm theo Quyết định số 4832/QĐ-ĐHYD ngày 31 tháng 12 năm 2020)

STT	Tên chứng chỉ	Số ĐVHT	Lý thuyết	Thực hành	Bộ môn giảng dạy
I. Phần chung: 22 ĐVHT					
1.	Triết học	4	4	0	Bộ môn Triết
2.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	2	1	TT Giáo dục Y học
3.	Sư phạm y học	3	2	1	TT Giáo dục Y học
4.	Ngoại ngữ	3	2	1	Bộ môn Ngoại ngữ
5.	Tin học nâng cao	3	2	1	Bộ môn Tin học
6.	Sinh học phân tử	3	2	1	TT Sinh học phân tử
7.	Y đức - Xã hội học	3	2	1	Bộ môn YĐXHH
II. Cơ sở - Hỗ trợ: 23 ĐVHT					
1.	Thống kê y học	3	2	1	Bộ môn Thống kê Y học và Tin học
2.	Chẩn đoán hình ảnh	5	2	3	Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh
3.	Hồi sức và cấp cứu	5	2	3	Bộ môn Hồi sức cấp cứu và chống độc
4.	Chăm sóc giảm nhẹ	5	2	3	Bộ môn Chăm sóc giảm nhẹ
5.	Viết báo cáo khoa học đăng tạp chí quốc tế	5	2	3	Khoa Y tế công cộng
III. Chuyên ngành: 77 ĐVHT					
1. Lý thuyết - Thực hành: 45 ĐVHT					
1.	Dị dạng đường tiết niệu	4,5	2	2,5	Bộ môn Ngoại nhi
2.	Tiêu hóa – Gan mật	6	3	3	Bộ môn Ngoại nhi
3.	Phẫu thuật sơ sinh	4,5	2	2,5	Bộ môn Ngoại nhi
4.	Ung bướu nhi	6	3	3	Bộ môn Ngoại nhi
5.	Dị dạng sinh dục và rối loạn đi tiểu	6	3	3	Bộ môn Ngoại nhi
6.	Chấn thương chỉnh hình nhi	6	3	3	Bộ môn Ngoại nhi
7.	Cấp cứu hồi sức ngoại nhi	6	3	3	Bộ môn Ngoại nhi

8.	Phẫu thuật lồng ngực nhi	6	3	3	Bộ môn Ngoại nhi
2. Kỹ năng thực hành: 32 ĐVHT					
STT	Tên kỹ năng thực hành	Số ĐVHT	Lý thuyết	Thực hành	Bộ môn giảng dạy
1.	Kỹ năng phẫu thuật tiêu hóa – gan mật – sơ sinh	15	0	15	Bộ môn Ngoại nhi
	Kỹ năng cắt nối ruột Kỹ năng làm hậu môn nhân tạo Kỹ năng mở dạ dày ra da Kỹ năng phẫu thuật bệnh lý ống phúc tinh mạc Kỹ năng khâu nối ống tiêu hóa - gan mật Kỹ năng mổ hẹp môn vị phì đại Kỹ năng đặt túi silo Kỹ năng bơm hơi tháo lồng Kỹ năng mổ tháo lồng Kỹ năng mổ hở cắt ruột thừa Kỹ năng mổ nội soi cắt ruột thừa Đo áp lực hậu môn trực tràng Sinh thiết hút trực tràng Ngoại Nhi cộng đồng				
2.	Kỹ năng phẫu thuật niệu nhi	10	0	10	Bộ môn Ngoại nhi
	Kỹ năng mổ hở tinh hoàn ẩn sờ thấy Kỹ năng thám sát bìu - bẹn và cố định tinh hoàn trong trường hợp nghi ngờ xoắn tinh hoàn Kỹ năng nong da quy đầu - cắt da quy đầu Kỹ năng mở thận ra da Kỹ năng mở niệu quản ra da Kỹ năng mổ bàng quang ra da (Cystostomy và Vesicostomy) Kỹ năng đặt thông tiểu sạch ngắt quãng trong bàng quang thần kinh Kỹ năng mổ lỗ tiểu thấp thể trước trong trường hợp quy đầu to, dương vật cong ít Kỹ năng chụp bàng quang niệu đạo lúc đi tiểu				
3.	Kỹ năng chấn thương chỉnh hình nhi	5	0	5	Bộ môn Ngoại nhi
	Kỹ năng nắn xương bó bột những trường hợp gãy xương thường gặp Kỹ năng bó bột Ponseti trong điều trị chân khoèo				

	Kỹ năng sửa tật ngón tay bất Kỹ năng rạch áp xe Kỹ năng bóc tách kén bã Kỹ năng xẻ rò Kỹ năng khâu vết thương phần mềm				
4.	Kỹ năng ung bướu nhi	2	0	2	Bộ môn Ngoại nhi
	Kỹ năng chăm sóc buồng tiêm dưới da				

IV. Phần tốt nghiệp: 28 ĐVHT

1. Viết luận văn tốt nghiệp: 06 ĐVHT

2. Ôn thi:

- Chuyên môn: 06 ĐVHT

- Ngoại ngữ: 04 ĐVHT

3. Thi tốt nghiệp:

- **Ngoại ngữ chuyên ngành: 02 ĐVHT**

- **Chuyên ngành:**

+ Lý thuyết: 02 ĐVHT

+ Thực hành: 04 ĐVHT

+ Trình luận văn tốt nghiệp: 04 ĐVHT

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Nguyễn Hoàng Bắc

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO BÁC SĨ NỘI TRÚ (150 ĐVHT)
CHUYÊN NGÀNH: NGOẠI- THẦN KINH VÀ SỌ NÃO; MÃ SỐ: NT 62 72 07 20
(Kèm theo Quyết định số 4832/QĐ-ĐHYD ngày 31 tháng 12 năm 2020)

STT	Tên chứng chỉ	Số ĐVHT	Lý thuyết	Thực hành	Bộ môn giảng dạy
I. Phần chung: 22 ĐVHT					
1.	Triết học	4	4	0	Bộ môn Triết
2.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	2	1	TT Giáo dục Y học
3.	Sư phạm y học	3	2	1	TT Giáo dục Y học
4.	Ngoại ngữ	3	2	1	Bộ môn Ngoại ngữ
5.	Tin học nâng cao	3	2	1	Bộ môn Tin học
6.	Sinh học phân tử	3	2	1	TT Sinh học phân tử
7.	Y đức - Xã hội học	3	2	1	Bộ môn YĐXHH
II. Cơ sở - Hỗ trợ: 23 ĐVHT					
1.	Thống kê y học	3	2	1	Bộ môn Thống kê Y học và Tin học
2.	Chẩn đoán hình ảnh	5	2	3	Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh
3.	Hồi sức và cấp cứu	5	2	3	Bộ môn Hồi sức cấp cứu và chống độc
4.	Chăm sóc giảm nhẹ	5	2	3	Bộ môn Chăm sóc giảm nhẹ
5.	Viết báo cáo khoa học đăng tạp chí quốc tế	5	2	3	Khoa Y tế công cộng
III. Chuyên ngành: 77 ĐVHT					
1. Lý thuyết - Thực hành: 45 ĐVHT					
1.	Bệnh lí cột sống	7	3	4	Bộ môn Ngoại thần kinh
2.	Bệnh lí ung bướu thần kinh	7	3	4	Bộ môn Ngoại thần kinh
3.	Chức năng thần kinh và điều trị đau thần kinh	6	3	3	Bộ môn Ngoại thần kinh
4.	Bệnh lí thần kinh Nhi	5	2	3	Bộ môn Ngoại thần kinh
5.	Bệnh lí mạch máu não	8	3	5	Bộ môn Ngoại thần kinh
6.	Chấn thương thần kinh	4	2	2	Bộ môn Ngoại thần kinh
7.	Sinh học phân tử và di truyền trong thần kinh	2	2	0	Bộ môn Ngoại thần kinh
8.	Giải phẫu hệ thần kinh	2	1	1	Bộ môn Ngoại thần kinh

9.	Nội thần kinh	4	2	2	Bộ môn Nội thần kinh
2. Kỹ năng thực hành: 32 ĐVHT					
STT	Tên kỹ năng thực hành	Số ĐVHT	Lý thuyết	Thực hành	Bộ môn giảng dạy
1.	Hồi sức Ngoại thần kinh	3	0	3	Bộ môn Ngoại thần kinh
2.	Can thiệp nội mạch thần kinh	3	0	3	Bộ môn Ngoại thần kinh
3.	Phẫu thuật thần kinh nhi	3	0	3	Bộ môn Ngoại thần kinh
4.	Phẫu thuật chức năng và điều trị đau	3	0	3	Bộ môn Ngoại thần kinh
5.	Phẫu thuật cột sống	5	0	5	Bộ môn Ngoại thần kinh
6.	Phẫu thuật chấn thương thần kinh (sọ não, cột sống và thần kinh ngoại biên)	5	0	5	Bộ môn Ngoại thần kinh
7.	Phẫu thuật bệnh lí mạch máu thần kinh (AVM, túi phình, bệnh lí mạch máu tắc nghẽn)	5	0	5	Bộ môn Ngoại thần kinh
8.	Phẫu thuật điều trị u não	5	0	5	Bộ môn Ngoại thần kinh

IV. Phần tốt nghiệp: 28 ĐVHT

1. Viết luận văn tốt nghiệp: 06 ĐVHT

2. Ôn thi:

- Chuyên môn: 06 ĐVHT
- Ngoại ngữ: 04 ĐVHT

3. Thi tốt nghiệp:

- **Ngoại ngữ chuyên ngành: 02 ĐVHT**
- **Chuyên ngành:**
 - + Lý thuyết: 02 ĐVHT
 - + Thực hành: 04 ĐVHT
 - + Trình luận văn tốt nghiệp: 04 ĐVHT

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Nguyễn Hoàng Bắc

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO BÁC SĨ NỘI TRÚ (150 ĐVHT)
CHUYÊN NGÀNH: NGOẠI – TIẾT NIỆU; MÃ SỐ: NT 62 72 07 15
 (Kèm theo Quyết định số 4832/QĐ-ĐHYD ngày 31 tháng 12 năm 2020)

STT	Tên chứng chỉ	Số ĐVHT	Lý thuyết	Thực hành	Bộ môn giảng dạy
I. Phần chung: 22 ĐVHT					
1.	Triết học	4	4	0	Bộ môn Triết
2.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	2	1	TT Giáo dục Y học
3.	Sư phạm y học	3	2	1	TT Giáo dục Y học
4.	Ngoại ngữ	3	2	1	Bộ môn Ngoại ngữ
5.	Tin học nâng cao	3	2	1	Bộ môn Tin học
6.	Sinh học phân tử	3	2	1	TT Sinh học phân tử
7.	Y đức - Xã hội học	3	2	1	Bộ môn YĐXHH
II. Cơ sở - Hỗ trợ: 23 ĐVHT					
1.	Thống kê y học	3	2	1	Bộ môn Thống kê Y học và Tin học
2.	Chẩn đoán hình ảnh	5	2	3	Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh
3.	Hồi sức và cấp cứu	5	2	3	Bộ môn Hồi sức cấp cứu và chống độc
4.	Chăm sóc giảm nhẹ	5	2	3	Bộ môn Chăm sóc giảm nhẹ
5.	Viết báo cáo khoa học đăng tạp chí quốc tế	5	2	3	Khoa Y tế công cộng
III. Chuyên ngành: 77 ĐVHT					
1. Lý thuyết - Thực hành: 45 ĐVHT					
1.	Tiết niệu học cơ sở	3	1,5	1,5	Bộ môn Tiết niệu học
2.	Cấp cứu tiết niệu không chấn thương	3	1,5	1,5	Bộ môn Tiết niệu học
3.	Chấn thương và vết thương tiết niệu học	3	1,5	1,5	Bộ môn Tiết niệu học
4.	Sỏi tiết niệu	3	1,5	1,5	Bộ môn Tiết niệu học
5.	Nhiễm khuẩn đường tiết niệu (đặc hiệu và không đặc hiệu)	3	1,5	1,5	Bộ môn Tiết niệu học
6.	Ung bướu đường tiết niệu	3	1,5	1,5	Bộ môn Tiết niệu học
7.	Dị tật và bệnh bẩm sinh đường tiết niệu	3	1,5	1,5	Bộ môn Tiết niệu học

8.	Nam giới học	3	1,5	1,5	Bộ môn Tiết niệu học
9.	Bàng quang hỗn loạn thần kinh	3	1,5	1,5	Bộ môn Tiết niệu học
10.	Suy thận mạn và các phương pháp lọc máu ngoài thận	3	1,5	1,5	Bộ môn Tiết niệu học
11.	Ghép thận	3	1,5	1,5	Bộ môn Tiết niệu học
12.	Tiết niệu phụ khoa	3	1,5	1,5	Bộ môn Tiết niệu học
13.	Niệu động học	3	1,5	1,5	Bộ môn Tiết niệu học
14.	Nội soi tiết niệu	3	1,5	1,5	Bộ môn Tiết niệu học
15.	Phẫu thuật nội soi tiết niệu	3	1,5	1,5	Bộ môn Tiết niệu học

2. Kỹ năng thực hành: 32 ĐVHT

STT	Tên kỹ năng thực hành	Số ĐVHT	Lý thuyết	Thực hành	Bộ môn giảng dạy
1.	Nội soi bàng quang sinh thiết	2	0	2	Bộ môn Tiết niệu học
2.	Nội soi bàng quang đặt thông double J	2	0	2	Bộ môn Tiết niệu học
3.	Đo và đọc các chỉ số niệu động học	1	0	1	Bộ môn Tiết niệu học
4.	Xử trí chấn thương thận (trình bệnh án)	1	0	1	Bộ môn Tiết niệu học
5.	Xử trí vỡ bàng quang (trình bệnh án)	1	0	1	Bộ môn Tiết niệu học
6.	Xử trí vỡ niệu đạo (trình bệnh án)	1	0	1	Bộ môn Tiết niệu học
7.	Phẫu thuật mở bàng quang ra da	1	0	1	Bộ môn Tiết niệu học
8.	Phẫu thuật mở bàng quang lấy sỏi	1	0	1	Bộ môn Tiết niệu học
9.	Phẫu thuật mở thận ra da	2	0	2	Bộ môn Tiết niệu học
10.	Lấy mẫu tinh trùng, thực hiện xét nghiệm tinh trùng đồ	1	0	1	Bộ môn Tiết niệu học
11.	Phụ mổ nội soi niệu quản tán sỏi	2	0	2	Bộ môn Tiết niệu học
12.	Phụ mổ phẫu thuật mở mở/phẫu thuật nội soi sau phúc mạc lấy sỏi niệu quản	2	0	2	Bộ môn Tiết niệu học
13.	Phụ mổ phẫu thuật mở bể thận lấy sỏi	2	0	2	Bộ môn Tiết niệu học
14.	Phụ mổ phẫu thuật mở chủ mô thận lấy sỏi	2	0	2	Bộ môn Tiết niệu học
15.	Phụ mổ phẫu thuật nội soi sau phúc mạc cắt nang thận	1	0	1	Bộ môn Tiết niệu học
16.	Phụ mổ tán sỏi ngoài cơ thể	1	0	1	Bộ môn Tiết niệu học
17.	Sinh thiết tuyến tiền liệt dưới hướng dẫn siêu âm qua ngã trực tràng	1	0	1	Bộ môn Tiết niệu học
18.	Phụ mổ cắt đốt tuyến tiền liệt qua nội soi ngã niệu đạo	1	0	1	Bộ môn Tiết niệu học
19.	Phụ mổ phẫu thuật cắt bỏ tinh hoàn (ngả bẹn và ngả bìu)	1	0	1	Bộ môn Tiết niệu học

20.	Phẫu thuật cắt tĩnh mạch tinh giãn (mở mở và vi phẫu)	1	0	1	Bộ môn Tiết niệu học
21.	Phụ mổ phẫu thuật tạo hình niệu đạo	1	0	1	Bộ môn Tiết niệu học
22.	Phụ mổ phẫu thuật cắt thận tận gốc (mở mở và nội soi ổ bụng)	1	0	1	Bộ môn Tiết niệu học
23.	Phụ mổ phẫu thuật tạo hình niệu quản	1	0	1	Bộ môn Tiết niệu học
24.	Phụ mổ phẫu thuật cắt bàng quang tận gốc và tạo hình bàng quang bằng hồi tràng	1	0	1	Bộ môn Tiết niệu học
25.	Phụ mổ phẫu thuật cắt tuyến tiền liệt tận gốc	1	0	1	Bộ môn Tiết niệu học

IV. Phần tốt nghiệp: 28 ĐVHT

1. Viết luận văn tốt nghiệp: 06 ĐVHT

2. Ôn thi:

- Chuyên môn: 06 ĐVHT

- Ngoại ngữ: 04 ĐVHT

3. Thi tốt nghiệp:

- Ngoại ngữ chuyên ngành: 02 ĐVHT

- Chuyên ngành:

+ Lý thuyết: 02 ĐVHT

+ Thực hành: 04 ĐVHT

+ Trình luận văn tốt nghiệp: 04 ĐVHT

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Nguyễn Hoàng Bắc

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO BÁC SĨ NỘI TRÚ (150 ĐVHT)

CHUYÊN NGÀNH: NGOẠI KHOA; MÃ SỐ: NT 62 72 07 50

(Kèm theo Quyết định số 4832/QĐ-ĐHYD ngày 31 tháng 12 năm 2020)

STT	Tên chứng chỉ	Số ĐVHT	Lý thuyết	Thực hành	Bộ môn giảng dạy
I. Phần chung: 22 ĐVHT					
1.	Triết học	4	4	0	Bộ môn Triết
2.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	2	1	TT Giáo dục Y học
3.	Sư phạm y học	3	2	1	TT Giáo dục Y học
4.	Ngoại ngữ	3	2	1	Bộ môn Ngoại ngữ
5.	Tin học nâng cao	3	2	1	Bộ môn Tin học
6.	Sinh học phân tử	3	2	1	TT Sinh học phân tử
7.	Y đức - Xã hội học	3	2	1	Bộ môn YĐXHH
II. Cơ sở - Hỗ trợ: 23 ĐVHT					
1.	Thống kê y học	3	2	1	Bộ môn Thống kê Y học và Tin học
2.	Chẩn đoán hình ảnh	5	2	3	Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh
3.	Hồi sức và cấp cứu	5	2	3	Bộ môn Hồi sức cấp cứu và chống độc
4.	Chăm sóc giảm nhẹ	5	2	3	Bộ môn Chăm sóc giảm nhẹ
5.	Viết báo cáo khoa học đăng tạp chí quốc tế	5	2	3	Khoa Y tế công cộng
III. Chuyên ngành: 77 ĐVHT					
1. Lý thuyết - Thực hành: 51 ĐVHT					
1.	Ngoại tổng quát năm thứ 1	12	4	8	Bộ môn Ngoại tổng quát
2.	Ngoại tổng quát năm thứ 2	7	2	5	Bộ môn Ngoại tổng quát
3.	Ngoại tổng quát năm thứ 3	12	4	8	Bộ môn Ngoại tổng quát
4.	Tiết niệu	4	1	3	Bộ môn Tiết niệu học
5.	Ung thư đại cương	4	1	3	Bộ môn Ung thư
6.	Ngoại lồng ngực mạch máu	4	1	3	Bộ môn Ngoại lồng ngực
7.	Ngoại Nhi	4	1	3	Bộ môn Ngoại Nhi
8.	Gây mê – Hồi sức Ngoại	4	1	3	Bộ môn Gây mê hồi sức

2. Kỹ năng thực hành: 26 ĐVHT					
STT	Tên kỹ năng thực hành	Số ĐVHT	Lý thuyết	Thực hành	Bộ môn giảng dạy
1.	Kỹ năng ngoại khoa cơ bản và Simulation	4	0	4	Bộ môn Ngoại tổng quát
2.	Kỹ năng phẫu thuật tiểu phẫu	6	0	6	Bộ môn Ngoại tổng quát
3.	Kỹ năng phẫu thuật trung phẫu và một số đại phẫu	12	0	12	Bộ môn Ngoại tổng quát
4.	Kỹ năng trình bày, giao tiếp	4	0	4	Bộ môn Ngoại tổng quát

IV. Phần tốt nghiệp: 28 ĐVHT

1. Viết luận văn tốt nghiệp: 06 ĐVHT

2. Ôn thi:

- Chuyên môn: 06 ĐVHT

- Ngoại ngữ: 04 ĐVHT

3. Thi tốt nghiệp:

- Ngoại ngữ chuyên ngành: 02 ĐVHT

- Chuyên ngành:

+ Lý thuyết: 02 ĐVHT

+ Thực hành: 04 ĐVHT

+ Trình luận văn tốt nghiệp: 04 ĐVHT

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Nguyễn Hoàng Bắc

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO BÁC SĨ NỘI TRÚ (150 ĐVHT)
CHUYÊN NGÀNH: NHÃN KHOA; MÃ SỐ: NT 62 72 56 01
(Kèm theo Quyết định số 4832/QĐ-ĐHYD ngày 31 tháng 12 năm 2020)

STT	Tên chứng chỉ	Số ĐVHT	Lý thuyết	Thực hành	Bộ môn giảng dạy
I. Phần chung: 22 ĐVHT					
1.	Triết học	4	4	0	Bộ môn Triết
2.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	2	1	TT Giáo dục Y học
3.	Sư phạm y học	3	2	1	TT Giáo dục Y học
4.	Ngoại ngữ	3	2	1	Bộ môn Ngoại ngữ
5.	Tin học nâng cao	3	2	1	Bộ môn Tin học
6.	Sinh học phân tử	3	2	1	TT Sinh học phân tử
7.	Y đức - Xã hội học	3	2	1	Bộ môn YĐXHH
II. Cơ sở - Hỗ trợ: 23 ĐVHT					
1.	Thống kê y học	3	2	1	Bộ môn Thống kê Y học và Tin học
2.	Chẩn đoán hình ảnh	5	2	3	Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh
3.	Hồi sức và cấp cứu	5	2	3	Bộ môn Hồi sức cấp cứu và chống độc
4.	Tai Mũi Họng	5	2	3	Bộ môn Tai Mũi Họng
5.	Viết báo cáo khoa học đăng tạp chí quốc tế	5	2	3	Khoa Y tế công cộng
III. Chuyên ngành: 77 ĐVHT					
1. Lý thuyết - Thực hành: 45 ĐVHT					
1.	Nhãn khoa cơ sở	6	4	2	Bộ môn Mắt
2.	Bệnh học kết – giác - củng mạc và phần phụ	8	5	3	Bộ môn Mắt
3.	Bệnh học glôcôm - thể thủy tinh	6	3	3	Bộ môn Mắt
4.	Bỏng - Chấn thương mắt	6	2	4	Bộ môn Mắt
5.	Bệnh học màng bồ đào - võng mạc - dịch kính	7	4	3	Bộ môn Mắt
6.	Bệnh học nhãn nhi - Tật khúc xạ	6	4	2	Bộ môn Mắt
7.	Thần kinh nhãn khoa - Lé cơ năng	6	3	3	Bộ môn Mắt

2. Kỹ năng thực hành: 32 ĐVHT					
STT	Tên kỹ năng thực hành	Số ĐVHT	Lý thuyết	Thực hành	Bộ môn giảng dạy
1.	Đo thị lực - Khám khúc xạ	4	0	4	Bộ môn Mắt
2.	Siêu âm - Thị trường	4	0	4	Bộ môn Mắt
3.	OCT – FO - FA	4	0	4	Bộ môn Mắt
4.	Gây tê trong nhãn khoa	4	0	4	Bộ môn Mắt
5.	Các tiểu phẫu trong nhãn khoa	4	0	4	Bộ môn Mắt
6.	Phẫu thuật bề mặt nhãn cầu	4	0	4	Bộ môn Mắt
7.	Laser Iridotomy - Capsulotomy	4	0	4	Bộ môn Mắt
8.	Phẫu thuật phaco - cắt bề cứng mạc	4	0	4	Bộ môn Mắt

IV. Phần tốt nghiệp: 28 ĐVHT

1. Viết luận văn tốt nghiệp: 06 ĐVHT

2. Ôn thi:

- Chuyên môn: 06 ĐVHT

- Ngoại ngữ: 04 ĐVHT

3. Thi tốt nghiệp:

- Ngoại ngữ chuyên ngành: 02 ĐVHT

- Chuyên ngành:

+ Lý thuyết: 02 ĐVHT

+ Thực hành: 04 ĐVHT

+ Trình luận văn tốt nghiệp: 04 ĐVHT

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Nguyễn Hoàng Bắc

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO BÁC SĨ NỘI TRÚ (150 ĐVHT)

CHUYÊN NGÀNH: NHI KHOA; MÃ SỐ: NT 62 72 16 55

(Kèm theo Quyết định số 4832/QĐ-ĐHYD ngày 31 tháng 12 năm 2020)

STT	Tên chứng chỉ	Số ĐVHT	Lý thuyết	Thực hành	Bộ môn giảng dạy
I. Phần chung: 22 ĐVHT					
1.	Triết học	4	4	0	Bộ môn Triết
2.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	2	1	TT Giáo dục Y học
3.	Sư phạm y học	3	2	1	TT Giáo dục Y học
4.	Ngoại ngữ	3	2	1	Bộ môn Ngoại ngữ
5.	Tin học nâng cao	3	2	1	Bộ môn Tin học
6.	Sinh học phân tử	3	2	1	TT Sinh học phân tử
7.	Y đức - Xã hội học	3	2	1	Bộ môn YĐXHH
II. Cơ sở - Hỗ trợ: 23 ĐVHT					
1.	Thống kê y học	3	2	1	Bộ môn Thống kê Y học và Tin học
2.	Chẩn đoán hình ảnh	5	2	3	Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh
3.	Hồi sức và cấp cứu	5	2	3	Bộ môn Hồi sức cấp cứu và chống độc
4.	Chăm sóc giảm nhẹ	5	2	3	Bộ môn Chăm sóc giảm nhẹ
5.	Viết báo cáo khoa học đăng tạp chí quốc tế	5	2	3	Khoa Y tế công cộng
III. Chuyên ngành: 77 ĐVHT					
1. Lý thuyết - Thực hành: 45 ĐVHT					
1.	Hô hấp	3	1,5	1,5	Bộ môn Nhi
2.	Tim mạch – Khớp	3	1,5	1,5	Bộ môn Nhi
3.	Cấp cứu – Hồi sức	6	3	3	Bộ môn Nhi
4.	Huyết học	3	1,5	1,5	Bộ môn Nhi
5.	Thận niệu – Nội tiết	3	1,5	1,5	Bộ môn Nhi
6.	Sơ sinh	3	1,5	1,5	Bộ môn Nhi
7.	Nhiễm – Thần kinh	3	1,5	1,5	Bộ môn Nhi
8.	Tiêu hóa	3	1,5	1,5	Bộ môn Nhi

9.	Dinh dưỡng nhi khoa	3	1,5	1,5	Bộ môn Nhi
10.	Chủng ngừa	3	1,5	1,5	Bộ môn Nhi
11.	Thông khí hỗ trợ (thở máy)	3	1,5	1,5	Bộ môn Nhi
12.	Đánh giá chức năng hô hấp	3	1,5	1,5	Bộ môn Nhi
13.	Bệnh lý thần kinh nhi thường gặp	3	1,5	1,5	Bộ môn Nhi
14.	Bệnh lý ngoại nhi	3	1,5	1,5	Bộ môn Ngoại nhi
2. Kỹ năng thực hành: 32 ĐVHT					
STT	Tên kỹ năng thực hành	Số ĐVHT	Lý thuyết	Thực hành	Bộ môn giảng dạy
1.	Đặt dẫn lưu màng phổi	4	0	4	Bộ môn Nhi
2.	Chọc dò màng tim, màng phổi, màng bụng	4	0	4	Bộ môn Nhi
3.	Vận hành máy thở	8	0	8	Bộ môn Nhi
4.	Sinh thiết thận	4	0	4	Bộ môn Nhi
5.	Thay máu ở trẻ sơ sinh	4	0	4	Bộ môn Nhi
6.	Đặt catheter trung ương	4	0	4	Bộ môn Nhi
7.	Đọc lam phết máu ngoại biên và xem tổng phân tích nước tiểu	4	0	4	Bộ môn Nhi

IV. Phần tốt nghiệp: 28 ĐVHT

1. Viết luận văn tốt nghiệp: 06 ĐVHT

2. Ôn thi:

- Chuyên môn: 06 ĐVHT

- Ngoại ngữ: 04 ĐVHT

3. Thi tốt nghiệp:

- Ngoại ngữ chuyên ngành: 02 ĐVHT

- Chuyên ngành:

+ Lý thuyết: 02 ĐVHT

+ Thực hành: 04 ĐVHT

+ Trình luận văn tốt nghiệp: 04 ĐVHT

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Nguyễn Hoàng Bắc

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO BÁC SĨ NỘI TRÚ (150 ĐVHT)

CHUYÊN NGÀNH: NỘI TIẾT; MÃ SỐ: NT 62 72 20 15

(Kèm theo Quyết định số 4832/QĐ-ĐHYD ngày 31 tháng 12 năm 2020)

STT	Tên chứng chỉ	Số ĐVHT	Lý thuyết	Thực hành	Bộ môn giảng dạy
I. Phần chung: 22 ĐVHT					
1.	Triết học	4	4	0	Bộ môn Triết
2.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	2	1	TT Giáo dục Y học
3.	Sư phạm y học	3	2	1	TT Giáo dục Y học
4.	Ngoại ngữ	3	2	1	Bộ môn Ngoại ngữ
5.	Tin học nâng cao	3	2	1	Bộ môn Tin học
6.	Sinh học phân tử	3	2	1	TT Sinh học phân tử
7.	Y đức - Xã hội học	3	2	1	Bộ môn YĐXHH
II. Cơ sở - Hỗ trợ: 23 ĐVHT					
1.	Thống kê y học	3	2	1	Bộ môn Thống kê Y học và Tin học
2.	Dinh dưỡng trong điều trị đái tháo đường	4	4	0	Bộ môn Nội tiết và Bộ môn Dinh dưỡng
3.	Hóa sinh lâm sàng	4	4	0	Bộ môn Hóa sinh
4.	Hình ảnh học trong bệnh lý tuyến yên	3	2	1	Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh
5.	Hình ảnh học trong bệnh lý tuyến thượng thận	3	2	1	Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh
6.	Các xét nghiệm động trong chẩn đoán bệnh lý nội tiết	6	3	3	Bộ môn Nội tiết
III. Chuyên ngành: 77 ĐVHT					
1. Lý thuyết - Thực hành: 45 ĐVHT					
1.	Tim mạch	4	2	2	Bộ môn Nội tổng quát
2.	Tiêu hóa	4	2	2	Bộ môn Nội tổng quát
3.	Hô hấp	4	2	2	Bộ môn Nội tổng quát
4.	Nội thần kinh	4	2	2	Bộ môn Nội thần kinh
5.	Bệnh đái tháo đường	8	3	5	Bộ môn Nội tiết
6.	Bệnh lý tuyến giáp	4	2	2	Bộ môn Nội tiết

7.	Bệnh lí tuyến yên	4	2	2	Bộ môn Nội tiết
8.	Bệnh lí thượng thận	4	2	2	Bộ môn Nội tiết
9.	Tuyến cận giáp - Loãng xương - Rối loạn điện giải	4	2	2	Bộ môn Nội tiết
10.	Bệnh lí nội tiết và thai sản	4	2	2	Bộ môn Nội tiết
11.	Y học hạt nhân trong bệnh lí nội tiết	1	1	0	Bộ môn Y học hạt nhân
2. Kỹ năng thực hành: 32 ĐVHT					
STT	Tên kỹ năng thực hành	Số ĐVHT	Lý thuyết	Thực hành	Bộ môn giảng dạy
1.	Tư vấn tự chăm sóc bệnh nhân đái tháo đường	8	0	8	Bộ môn Nội tiết
2.	Đánh giá và điều trị loét chân đái tháo đường	8	0	8	Bộ môn Nội tiết
3.	Thực hiện nghiệm pháp đánh giá chức năng tuyến yên	8	0	8	Bộ môn Nội tiết
4.	Thực hiện nghiệm pháp đánh giá chức năng tuyến thượng thận	8	0	8	Bộ môn Nội tiết

IV. Phần tốt nghiệp: 28 ĐVHT

1. Viết luận văn tốt nghiệp: 06 ĐVHT

2. Ôn thi:

- Chuyên môn: 06 ĐVHT

- Ngoại ngữ: 04 ĐVHT

3. Thi tốt nghiệp:

- Ngoại ngữ chuyên ngành: 02 ĐVHT

- Chuyên ngành:

+ Lý thuyết: 02 ĐVHT

+ Thực hành: 04 ĐVHT

+ Trình luận văn tốt nghiệp: 04 ĐVHT

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Nguyễn Hoàng Bắc

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO BÁC SĨ NỘI TRÚ (150 ĐVHT)
CHUYÊN NGÀNH: NỘI KHOA; MÃ SỐ: NT 62 72 20 50

(Kèm theo Quyết định số 4832/QĐ-ĐHYD ngày 31 tháng 12 năm 2020)

STT	Tên chứng chỉ	Số ĐVHT	Lý thuyết	Thực hành	Bộ môn giảng dạy
I. Phần chung: 22 ĐVHT					
1.	Triết học	4	4	0	Bộ môn Triết
2.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	2	1	TT Giáo dục Y học
3.	Sư phạm y học	3	2	1	TT Giáo dục Y học
4.	Ngoại ngữ	3	2	1	Bộ môn Ngoại ngữ
5.	Tin học nâng cao	3	2	1	Bộ môn Tin học
6.	Sinh học phân tử	3	2	1	TT Sinh học phân tử
7.	Y đức - Xã hội học	3	2	1	Bộ môn YĐXHH
II. Cơ sở - Hỗ trợ: 23 ĐVHT					
1.	Thống kê y học	3	2	1	Bộ môn Thống kê Y học và Tin học
2.	Chẩn đoán hình ảnh	5	2	3	Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh
3.	Hồi sức và cấp cứu	5	2	3	Bộ môn Hồi sức cấp cứu và chống độc
4.	Nội tiết	4	0	4	Bộ môn Nội tiết
5.	Kiến thức cơ bản trong nội khoa	6	0	6	Bộ môn Nội tổng quát
III. Chuyên ngành: 77 ĐVHT					
1. Lý thuyết - Thực hành: 44 ĐVHT					
1.	Nội – Hô hấp	11	3	8	Bộ môn Nội tổng quát
2.	Nội – Thận	11	3	8	Bộ môn Nội tổng quát
3.	Nội – Tiêu hóa	11	3	8	Bộ môn Nội tổng quát
4.	Nội – Tim mạch	11	3	8	Bộ môn Nội tổng quát
2. Kỹ năng thực hành: 33 ĐVHT					
STT	Tên kỹ năng thực hành	Số ĐVHT	Lý thuyết	Thực hành	Bộ môn giảng dạy
1.	Cấp cứu nội khoa	16	0	16	Bộ môn Nội tổng quát
2.	Các kỹ thuật nội khoa	17	0	17	Bộ môn Nội tổng quát

IV. Phần tốt nghiệp: 28 ĐVHT

1. Viết luận văn tốt nghiệp: 06 ĐVHT

2. Ôn thi:

- Chuyên môn: 06 ĐVHT

- Ngoại ngữ: 04 ĐVHT

3. Thi tốt nghiệp:

- **Ngoại ngữ chuyên ngành: 02 ĐVHT**

- **Chuyên ngành:**

+ Lý thuyết: 02 ĐVHT

+ Thực hành: 04 ĐVHT

+ Trình luận văn tốt nghiệp: 04 ĐVHT

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Nguyễn Hoàng Bắc

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO BÁC SĨ NỘI TRÚ (150 ĐVHT)
CHUYÊN NGÀNH: PHỤC HỒI CHỨC NĂNG; MÃ SỐ: NT 62 72 43 01
(Kèm theo Quyết định số 4832/QĐ-ĐHYD ngày 31 tháng 12 năm 2020)

STT	Tên chứng chỉ	Số ĐVHT	Lý thuyết	Thực hành	Bộ môn giảng dạy
I. Phần chung: 22 ĐVHT					
1.	Triết học	4	4	0	Bộ môn Triết
2.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	2	1	TT Giáo dục Y học
3.	Sư phạm y học	3	2	1	TT Giáo dục Y học
4.	Ngoại ngữ	3	2	1	Bộ môn Ngoại ngữ
5.	Tin học nâng cao	3	2	1	Bộ môn Tin học
6.	Sinh học phân tử	3	2	1	TT Sinh học phân tử
7.	Y đức - Xã hội học	3	2	1	Bộ môn YĐXHH
II. Cơ sở - Hỗ trợ: 23 ĐVHT					
1.	Thống kê y học	3	2	1	Bộ môn Thống kê Y học và Tin học
2.	Chẩn đoán hình ảnh	5	2	3	Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh
3.	Hồi sức và cấp cứu	5	2	3	Bộ môn Hồi sức cấp cứu và chống độc
4.	Chăm sóc giảm nhẹ	5	2	3	Bộ môn Chăm sóc giảm nhẹ
5.	Viết báo cáo khoa học đăng tạp chí quốc tế	5	2	3	Khoa Y tế công cộng
III. Chuyên ngành: 77 ĐVHT					
1. Lý thuyết - Thực hành: 45 ĐVHT					
1.	Đại cương về phục hồi chức năng	4	2	2	BM CTCH - PHCN
2.	Lượng giá trong phục hồi chức năng	6	3	3	BM CTCH - PHCN
3.	Vật lý trị liệu trong phục hồi chức năng	9	3	6	BM CTCH - PHCN
4.	Các phương pháp điều trị phục hồi chức năng khác ngoài vật lý trị liệu	6	3	3	BM CTCH - PHCN
5.	Phục hồi chức năng Ngoại khoa	7	3	4	BM CTCH - PHCN
6.	Phục hồi chức năng Nội khoa	12	3	9	BM CTCH - PHCN
7.	Phục hồi chức năng Nhi khoa	6	3	3	BM CTCH - PHCN

8.	Phục hồi chức năng trong y học thể thao	4	2	2	BM CTCH - PHCN
9.	Phục hồi chức năng trong một số lĩnh vực chuyên biệt	6	3	3	BM CTCH - PHCN
2. Kỹ năng thực hành: 32 ĐVHT					
STT	Tên kỹ năng thực hành	Số ĐVHT	Lý thuyết	Thực hành	Bộ môn giảng dạy
1.	Kỹ thuật thăm dò, lượng giá, chẩn đoán và điều trị phục hồi chức năng	4	0	4	BM CTCH - PHCN
2.	Vận động trị liệu	4	0	4	BM CTCH - PHCN
3.	Vật lý trị liệu	4	0	4	BM CTCH - PHCN
4.	Hoạt động trị liệu	3	0	3	BM CTCH - PHCN
5.	Dụng cụ chỉnh hình và trợ giúp	2	0	2	BM CTCH - PHCN

IV. Phần tốt nghiệp: 28 ĐVHT

1. Viết luận văn tốt nghiệp: 06 ĐVHT

2. Ôn thi:

- Chuyên môn: 06 ĐVHT

- Ngoại ngữ: 04 ĐVHT

3. Thi tốt nghiệp:

- Ngoại ngữ chuyên ngành: 02 ĐVHT

- Chuyên ngành:

+ Lý thuyết: 02 ĐVHT

+ Thực hành: 04 ĐVHT

+ Trình luận văn tốt nghiệp: 04 ĐVHT

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Nguyễn Hoàng Bắc

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO BÁC SĨ NỘI TRÚ (150 ĐVHT)
CHUYÊN NGÀNH: RĂNG HÀM MẶT; MÃ SỐ: NT 62 72 28 01
(Kèm theo Quyết định số 4832/QĐ-ĐHYD ngày 31 tháng 12 năm 2020)

STT	Tên chứng chỉ	Số ĐVHT	Lý thuyết	Thực hành	Bộ môn giảng dạy
I. Phần chung: 22 ĐVHT					
1.	Triết học	4	4	0	Bộ môn Triết
2.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	2	1	TT Giáo dục Y học
3.	Sư phạm y học	3	2	1	TT Giáo dục Y học
4.	Ngoại ngữ	3	2	1	Bộ môn Ngoại ngữ
5.	Tin học nâng cao	3	2	1	Bộ môn Tin học
6.	Sinh học phân tử	3	2	1	TT Sinh học phân tử
7.	Y đức - Xã hội học	3	2	1	Bộ môn YĐXHH
II. Cơ sở - Hỗ trợ: 23 ĐVHT					
1.	Thống kê y học	3	2	1	Bộ môn Thống kê Y học và Tin học
2.	Nghiên cứu khoa học Răng Hàm Mặt 1	3	3	0	Khoa Răng Hàm Mặt
3.	Nghiên cứu khoa học Răng Hàm Mặt 2	9	0	9	Khoa Răng Hàm Mặt
4.	Nha khoa cơ sở	4	2	2	Khoa Răng Hàm Mặt
5.	Giải phẫu đầu cổ	2	1	1	Khoa Răng Hàm Mặt
6.	Phẫu thuật thực hành Răng Hàm Mặt	2	1	1	Khoa Răng Hàm Mặt
III. Chuyên ngành: 77 ĐVHT					
1. Lý thuyết - Thực hành: 45 ĐVHT					
1.	Sinh học phân tử Răng Hàm Mặt	6	3	3	Khoa Răng Hàm Mặt
2.	Chẩn đoán hình ảnh Răng Hàm Mặt	3	1	2	Khoa Răng Hàm Mặt
PHẦN CHỨNG CHỈ TỰ CHỌN I (học viên chọn 01 chứng chỉ môn chính và 03 chứng chỉ KHCS cùng cụm*)					
3.	Phẫu thuật hàm mặt chuyên ngành 1	13	6	7	Khoa Răng Hàm Mặt
4.	Chỉnh hình răng mặt chuyên ngành 1	13	6	7	Khoa Răng Hàm Mặt
5.	Phục hình răng chuyên ngành 1	13	6	7	Khoa Răng Hàm Mặt
6.	Cắn khớp chuyên ngành 1	13	6	7	Khoa Răng Hàm Mặt
7.	Phẫu thuật miệng chuyên ngành 1	13	6	7	Khoa Răng Hàm Mặt

8.	Nha khoa công cộng chuyên ngành 1	13	6	7	Khoa Răng Hàm Mặt
9.	Nha chu chuyên ngành 1	13	6	7	Khoa Răng Hàm Mặt
10.	Cấy ghép nha khoa và phục hình trên cấy ghép chuyên ngành 1	13	6	7	Khoa Răng Hàm Mặt
11.	Chẩn đoán hình ảnh Răng Hàm Mặt chuyên ngành 1	13	6	7	Khoa Răng Hàm Mặt
12.	Bệnh học miệng chuyên ngành 1	13	6	7	Khoa Răng Hàm Mặt
13.	Nha khoa trẻ em chuyên ngành 1	13	6	7	Khoa Răng Hàm Mặt
14.	Chữa răng – Nội nha chuyên ngành 1	13	6	7	Khoa Răng Hàm Mặt
15.	Khoa học cơ sở Chẩn đoán hình ảnh Răng Hàm Mặt	3	1	2	Khoa Răng Hàm Mặt
16.	Khoa học cơ sở Bệnh học miệng	3	1	2	Khoa Răng Hàm Mặt
17.	Khoa học cơ sở Phẫu thuật miệng	3	1	2	Khoa Răng Hàm Mặt
18.	Khoa học cơ sở Phẫu thuật hàm mặt	3	1	2	Khoa Răng Hàm Mặt
19.	Khoa học cơ sở Chính hình răng mặt	3	1	2	Khoa Răng Hàm Mặt
20.	Khoa học cơ sở Nha khoa công cộng	3	1	2	Khoa Răng Hàm Mặt
21.	Khoa học cơ sở Nha khoa trẻ em	3	1	2	Khoa Răng Hàm Mặt
22.	Khoa học cơ sở Phục hình răng	3	1	2	Khoa Răng Hàm Mặt
23.	Khoa học cơ sở Nha chu	3	1	2	Khoa Răng Hàm Mặt
24.	Khoa học cơ sở Chữa răng – Nội nha	3	1	2	Khoa Răng Hàm Mặt
25.	Khoa học cơ sở Cấy ghép nha khoa	3	1	2	Khoa Răng Hàm Mặt
26.	Khoa học cơ sở Cắn khớp	3	1	2	Khoa Răng Hàm Mặt

2. Kỹ năng thực hành: 32 ĐVHT

STT	Tên kỹ năng thực hành	Số ĐVHT	Lý thuyết	Thực hành	Bộ môn giảng dạy
1.	Nha khoa phòng ngừa	3	1	2	Khoa Răng Hàm Mặt
2.	Nha khoa tổng quát	2	1	1	Khoa Răng Hàm Mặt

PHẦN CHỨNG CHỈ TỰ CHỌN II (học viên chọn 02 chứng chỉ môn chính)

3.	Răng hàm mặt cơ sở chuyên ngành 2	12	4	8	Khoa Răng Hàm Mặt
4.	Răng hàm mặt cơ sở chuyên ngành 3	11	0	11	Khoa Răng Hàm Mặt
5.	Khoa học hình ảnh Răng Hàm Mặt chuyên ngành 2	12	4	8	Khoa Răng Hàm Mặt
6.	Khoa học hình ảnh Răng Hàm Mặt chuyên ngành 3	11	0	11	Khoa Răng Hàm Mặt
7.	Bệnh học miệng chuyên ngành 2	12	4	8	Khoa Răng Hàm Mặt
8.	Bệnh học miệng chuyên ngành 3	11	0	11	Khoa Răng Hàm Mặt
9.	Phẫu thuật miệng chuyên ngành 2	12	4	8	Khoa Răng Hàm Mặt
10.	Phẫu thuật miệng chuyên ngành 3	11	0	11	Khoa Răng Hàm Mặt
11.	Phẫu thuật hàm mặt chuyên ngành 2	12	4	8	Khoa Răng Hàm Mặt

12.	Phẫu thuật hàm mặt chuyên ngành 3	11	0	11	Khoa Răng Hàm Mặt
13.	Nha khoa công cộng chuyên ngành 2	12	4	8	Khoa Răng Hàm Mặt
14.	Nha khoa công cộng chuyên ngành 3	11	0	11	Khoa Răng Hàm Mặt
15.	Chỉnh hình răng mặt chuyên ngành 2	12	4	8	Khoa Răng Hàm Mặt
16.	Chỉnh hình răng mặt chuyên ngành 3	11	0	11	Khoa Răng Hàm Mặt
17.	Nha khoa trẻ em chuyên ngành 2	12	4	8	Khoa Răng Hàm Mặt
18.	Nha khoa trẻ em chuyên ngành 3	11	0	11	Khoa Răng Hàm Mặt
19.	Phục hình răng hàm mặt chuyên ngành 2	12	4	8	Khoa Răng Hàm Mặt
20.	Phục hình răng hàm mặt chuyên ngành 3	11	0	11	Khoa Răng Hàm Mặt
21.	Nha chu chuyên ngành 2	12	4	8	Khoa Răng Hàm Mặt
22.	Nha chu chuyên ngành 3	11	0	11	Khoa Răng Hàm Mặt
23.	Chữa răng-Nội nha chuyên ngành 2	12	4	8	Khoa Răng Hàm Mặt
24.	Chữa răng-Nội nha chuyên ngành 3	11	0	11	Khoa Răng Hàm Mặt
25.	Cấy ghép nha khoa và phục hình trên cây ghép chuyên ngành 2	12	4	8	Khoa Răng Hàm Mặt
26.	Cấy ghép nha khoa và phục hình trên cây ghép chuyên ngành 3	11	0	11	Khoa Răng Hàm Mặt
PHẦN CHỨNG CHỈ TỰ CHỌN III (học viên chọn 04 chứng chỉ thuộc 2 môn tự chọn cùng cụm môn chính*)					
27.	Phẫu thuật hàm mặt 1	3	3	0	Khoa Răng Hàm Mặt
28.	Phẫu thuật hàm mặt 2	6	0	6	Khoa Răng Hàm Mặt
29.	Chỉnh hình răng mặt 1	3	3	0	Khoa Răng Hàm Mặt
30.	Chỉnh hình răng mặt 2	6	0	6	Khoa Răng Hàm Mặt
31.	Phục hình răng hàm mặt 1	3	3	0	Khoa Răng Hàm Mặt
32.	Phục hình răng hàm mặt 2	6	0	6	Khoa Răng Hàm Mặt
33.	Cẩn khớp 1	3	3	0	Khoa Răng Hàm Mặt
34.	Cẩn khớp 2	6	0	6	Khoa Răng Hàm Mặt
35.	Phẫu thuật miệng 1	3	3	0	Khoa Răng Hàm Mặt
36.	Phẫu thuật miệng 2	6	0	6	Khoa Răng Hàm Mặt
37.	Nha khoa công cộng 1	3	3	0	Khoa Răng Hàm Mặt
38.	Nha khoa công cộng 2	6	0	6	Khoa Răng Hàm Mặt
39.	Nha chu 1	3	3	0	Khoa Răng Hàm Mặt
40.	Nha chu 2	6	0	6	Khoa Răng Hàm Mặt
41.	Cấy ghép nha khoa và phục hình trên cây ghép 1	3	3	0	Khoa Răng Hàm Mặt
42.	Cấy ghép nha khoa và phục hình trên cây ghép 2	6	0	6	Khoa Răng Hàm Mặt
43.	Chẩn đoán hình ảnh RHM 1	3	3	0	Khoa Răng Hàm Mặt
44.	Chẩn đoán hình ảnh RHM 2	6	0	6	Khoa Răng Hàm Mặt

45.	Bệnh học miệng 1	3	3	0	Khoa Răng Hàm Mặt
46.	Bệnh học miệng 2	6	0	6	Khoa Răng Hàm Mặt
47.	Nha khoa trẻ em 1	3	3	0	Khoa Răng Hàm Mặt
48.	Nha khoa trẻ em 2	6	0	6	Khoa Răng Hàm Mặt
49.	Chữa răng – Nội nha 1	3	3	0	Khoa Răng Hàm Mặt
50.	Chữa răng – Nội nha 2	6	0	6	Khoa Răng Hàm Mặt

* Các cụm được chia như sau:

- **CỤM BỆNH LÝ - PHẪU THUẬT HÀM MẶT:** Phẫu thuật hàm mặt, Bệnh học miệng, Chẩn đoán hình ảnh răng hàm mặt
- **CỤM NHA KHOA PHẪU THUẬT:** Phẫu thuật miệng, Cây ghép nha khoa, Nha chu
- **CỤM NHA KHOA PHỤC HỒI:** Phục hình răng hàm mặt, Chữa răng-Nội nha, Cắn khớp
- **CỤM DỰ PHÒNG PHÁT TRIỂN:** Chính hình răng mặt, Nha khoa công cộng, Nha khoa trẻ em

IV. Phần tốt nghiệp: 28 ĐVHT

1. Viết luận văn tốt nghiệp: 06 ĐVHT

2. Ôn thi:

- Chuyên môn: 06 ĐVHT
- Ngoại ngữ: 04 ĐVHT

3. Thi tốt nghiệp:

- **Ngoại ngữ chuyên ngành:** 02 ĐVHT
- **Chuyên ngành:**
 - + Lý thuyết: 02 ĐVHT
 - + Thực hành: 04 ĐVHT
 - + Trình luận văn tốt nghiệp: 04 ĐVHT

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Nguyễn Hoàng Bắc

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO BÁC SĨ NỘI TRÚ (150 ĐVHT)

CHUYÊN NGÀNH: SẢN PHỤ KHOA; MÃ SỐ: NT 62 72 13 01

(Kèm theo Quyết định số 4832/QĐ-ĐHYD ngày 31 tháng 12 năm 2020)

STT	Tên chứng chỉ	Số ĐVHT	Lý thuyết	Thực hành	Bộ môn giảng dạy
I. Phần chung: 22 ĐVHT					
1.	Triết học	4	4	0	Bộ môn Triết
2.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	2	1	TT Giáo dục Y học
3.	Sư phạm y học	3	2	1	TT Giáo dục Y học
4.	Ngoại ngữ	3	2	1	Bộ môn Ngoại ngữ
5.	Tin học nâng cao	3	2	1	Bộ môn Tin học
6.	Sinh học phân tử	3	2	1	TT Sinh học phân tử
7.	Y đức - Xã hội học	3	2	1	Bộ môn YĐXHH
II. Cơ sở - Hỗ trợ: 23 ĐVHT					
1.	Thống kê y học	3	2	1	Bộ môn Thống kê Y học và Tin học
2.	Chẩn đoán hình ảnh	5	2	3	Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh
3.	Hồi sức và cấp cứu	5	2	3	Bộ môn Hồi sức cấp cứu và chống độc
4.	Chăm sóc giảm nhẹ	5	2	3	Bộ môn Chăm sóc giảm nhẹ
5.	Viết báo cáo khoa học đăng tạp chí quốc tế	5	2	3	Khoa Y tế công cộng
III. Chuyên ngành: 77 ĐVHT					
1. Lý thuyết - Thực hành: 45 ĐVHT					
1.	Sản cơ sở	4,5	1,5	3	Bộ môn Sản phụ khoa
2.	Sản khó	3	1,5	1,5	Bộ môn Sản phụ khoa
3.	Sản bệnh	7,5	4,5	3	Bộ môn Sản phụ khoa
4.	Phụ khoa cơ sở	3	1,5	1,5	Bộ môn Sản phụ khoa
5.	Phụ khoa bệnh lý – nội tiết – vô sinh – ung thư	4,5	3	1,5	Bộ môn Sản phụ khoa
6.	Kế hoạch hóa gia đình	4,5	1,5	3	Bộ môn Sản phụ khoa
7.	Nội soi	9	3	6	Bộ môn Sản phụ khoa
8.	Chăm sóc và hồi sức sơ sinh	9	3	6	Bộ môn Sản phụ khoa

2. Kỹ năng thực hành: 32 ĐVHT					
STT	Tên kỹ năng thực hành	Số ĐVHT	Lý thuyết	Thực hành	Bộ môn giảng dạy
1.	Phẫu thuật trong sản khoa	4	0	4	Bộ môn Sản phụ khoa
2.	Soi cổ tử cung	4	0	4	Bộ môn Sản phụ khoa
3.	Cardio - Tocography (CTG)	4	0	4	Bộ môn Sản phụ khoa
4.	Đỡ sinh can thiệp (sinh hút - Sinh kềm)	4	0	4	Bộ môn Sản phụ khoa
5.	Phẫu thuật trong phụ khoa	4	0	4	Bộ môn Sản phụ khoa
6.	Khám tuyến vú cơ bản	4	0	4	Bộ môn Sản phụ khoa
7.	Chăm sóc thiết yếu bà mẹ và trẻ sơ sinh sau sinh	4	0	4	Bộ môn Sản phụ khoa
8.	Các phương pháp khởi phát chuyển dạ	4	0	4	Bộ môn Sản phụ khoa

IV. Phần tốt nghiệp: 28 ĐVHT

1. Viết luận văn tốt nghiệp: 06 ĐVHT

2. Ôn thi:

- Chuyên môn: 06 ĐVHT

- Ngoại ngữ: 04 ĐVHT

3. Thi tốt nghiệp:

- Ngoại ngữ chuyên ngành: 02 ĐVHT

- Chuyên ngành:

+ Lý thuyết: 02 ĐVHT

+ Thực hành: 04 ĐVHT

+ Trình luận văn tốt nghiệp: 04 ĐVHT

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Nguyễn Hoàng Bắc

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO BÁC SĨ NỘI TRÚ (150 ĐVHT)
CHUYÊN NGÀNH: TAI MŨI HỌNG; MÃ SỐ: NT 62 72 53 01
(Kèm theo Quyết định số 4832/QĐ-ĐHYD ngày 31 tháng 12 năm 2020)

STT	Tên chứng chỉ	Số ĐVHT	Lý thuyết	Thực hành	Bộ môn giảng dạy
I. Phần chung: 22 ĐVHT					
1.	Triết học	4	4	0	Bộ môn Triết
2.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	2	1	TT Giáo dục Y học
3.	Sư phạm y học	3	2	1	TT Giáo dục Y học
4.	Ngoại ngữ	3	2	1	Bộ môn Ngoại ngữ
5.	Tin học nâng cao	3	2	1	Bộ môn Tin học
6.	Sinh học phân tử	3	2	1	TT Sinh học phân tử
7.	Y đức - Xã hội học	3	2	1	Bộ môn YĐXHH
II. Cơ sở - Hỗ trợ: 23 ĐVHT					
1.	Thống kê y học	3	2	1	Bộ môn Thống kê Y học và Tin học
2.	Chẩn đoán hình ảnh	5	2	3	Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh
3.	Hồi sức và cấp cứu	5	2	3	Bộ môn Hồi sức cấp cứu và chống độc
4.	Chăm sóc giảm nhẹ	5	2	3	Bộ môn Chăm sóc giảm nhẹ
5.	Viết báo cáo khoa học đăng tạp chí quốc tế	5	2	3	Khoa Y tế công cộng
III. Chuyên ngành: 77 ĐVHT					
1. Lý thuyết - Thực hành: 45 ĐVHT					
1.	Bệnh học tai	7,5	4,5	3	Bộ môn Tai Mũi Họng
2.	Bệnh học mũi xoang	7,5	4,5	3	Bộ môn Tai Mũi Họng
3.	Bệnh học họng thanh quản	7,5	4,5	3	Bộ môn Tai Mũi Họng
4.	Bệnh học vùng đầu cổ	4,5	3	1,5	Bộ môn Tai Mũi Họng
5.	Các phương pháp thăm dò chức năng trong Tai Mũi Họng	9	4,5	4,5	Bộ môn Tai Mũi Họng
6.	Hình ảnh học trong Tai Mũi Họng	4,5	3	1,5	Bộ môn Tai Mũi Họng
7.	Nội soi trong Tai Mũi Họng	4,5	3	1,5	Bộ môn Tai Mũi Họng

2. Kỹ năng thực hành: 32 ĐVHT					
STT	Tên kỹ năng thực hành	Số ĐVHT	Lý thuyết	Thực hành	Bộ môn giảng dạy
1.	Thăm khám và nội soi chẩn đoán bệnh lý Tai Mũi Họng	4	0	4	Bộ môn Tai Mũi Họng
2.	Các thủ thuật cơ bản trong Tai Mũi Họng	2	0	2	Bộ môn Tai Mũi Họng
3.	Kỹ thuật nội soi thực quản và thanh quản treo xử lý bệnh lý lành tính	6	0	6	Bộ môn Tai Mũi Họng
4.	Phẫu thuật cắt Amidan và nạo VA	6	0	6	Bộ môn Tai Mũi Họng
5.	Phẫu thuật nội soi mũi xoang chức năng cơ bản	7	0	7	Bộ môn Tai Mũi Họng
6.	Phẫu thuật sào bào - Thượng nhĩ	7	0	7	Bộ môn Tai Mũi Họng

IV. Phần tốt nghiệp: 28 ĐVHT

1. Viết luận văn tốt nghiệp: 06 ĐVHT

2. Ôn thi:

- Chuyên môn: 06 ĐVHT

- Ngoại ngữ: 04 ĐVHT

3. Thi tốt nghiệp:

- Ngoại ngữ chuyên ngành: 02 ĐVHT

- Chuyên ngành:

+ Lý thuyết: 02 ĐVHT

+ Thực hành: 04 ĐVHT

+ Trình luận văn tốt nghiệp: 04 ĐVHT

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Nguyễn Hoàng Bắc

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO BÁC SĨ NỘI TRÚ (150 ĐVHT)
CHUYÊN NGÀNH: TÂM THẦN; MÃ SỐ: NT 62 72 22 45
(Kèm theo Quyết định số 4832/QĐ-ĐHYD ngày 31 tháng 12 năm 2020)

STT	Tên chứng chỉ	Số ĐVHT	Lý thuyết	Thực hành	Bộ môn giảng dạy
I. Phần chung: 22 ĐVHT					
1.	Triết học	4	4	0	Bộ môn Triết
2.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	2	1	TT Giáo dục Y học
3.	Sư phạm y học	3	2	1	TT Giáo dục Y học
4.	Ngoại ngữ	3	2	1	Bộ môn Ngoại ngữ
5.	Tin học nâng cao	3	2	1	Bộ môn Tin học
6.	Sinh học phân tử	3	2	1	TT Sinh học phân tử
7.	Y đức - Xã hội học	3	2	1	Bộ môn YĐXHH
II. Cơ sở - Hỗ trợ: 23 ĐVHT					
1.	Thống kê y học	3	2	1	Bộ môn Thống kê Y học và Tin học
2.	Chẩn đoán hình ảnh	5	2	3	Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh
3.	Hồi sức và cấp cứu	5	2	3	Bộ môn Hồi sức cấp cứu và chống độc
4.	Chăm sóc giảm nhẹ	5	2	3	Bộ môn Chăm sóc giảm nhẹ
5.	Viết báo cáo khoa học đăng tạp chí quốc tế	5	2	3	Khoa Y tế công cộng
III. Chuyên ngành: 77 ĐVHT					
1. Lý thuyết - Thực hành: 45 ĐVHT					
1.	Bệnh học tâm thần	6	3	3	Bộ môn Tâm thần
2.	Điều trị học tâm thần	9	3	6	Bộ môn Tâm thần
3.	Khoa học hành vi	6	3	3	Bộ môn Tâm thần
4.	Tâm lý học cơ bản	6	3	3	Bộ môn Tâm thần
5.	Khoa học thần kinh cơ bản và dược lý học tâm thần	9	3	6	Bộ môn Tâm thần
6.	Điều trị học tâm thần trên các đối tượng đặc biệt (người già, trẻ em, phụ nữ có thai)	9	3	6	Bộ môn Tâm thần

2. Kỹ năng thực hành: 32 ĐVHT					
STT	Tên kỹ năng thực hành	Số ĐVHT	Lý thuyết	Thực hành	Bộ môn giảng dạy
1.	Thực hiện tốt việc khai thác bệnh sử và thăm khám tâm thần	4	0	4	Bộ môn Tâm thần
2.	Áp dụng được các tiêu chuẩn chẩn đoán DSM-5, ICD 10 trong chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt	4	0	4	Bộ môn Tâm thần
3.	Lập được kế hoạch điều trị, theo dõi điều trị, xử trí được các tình huống cấp cứu tâm thần	4	0	4	Bộ môn Tâm thần
4.	Phát hiện được các bệnh cơ thể kết hợp với rối loạn tâm thần để điều trị thích hợp	4	0	4	Bộ môn Tâm thần
5.	Sử dụng được các thang lượng giá tâm thần thông dụng để chẩn đoán, theo dõi điều trị, và NCKH	4	0	4	Bộ môn Tâm thần
6.	Sử dụng an toàn và hợp lý các thuốc tâm thần	4	0	4	Bộ môn Tâm thần
7.	Thực hiện được một số tâm lý liệu pháp cơ bản trong điều trị	4	0	4	Bộ môn Tâm thần
8.	Có kỹ năng giao tiếp với bệnh nhân, xây dựng mối quan hệ trị liệu, và thiết lập khung điều trị hợp lý	4	0	4	Bộ môn Tâm thần

IV. Phần tốt nghiệp: 28 ĐVHT

1. Viết luận văn tốt nghiệp: 06 ĐVHT

2. Ôn thi:

- Chuyên môn: 06 ĐVHT

- Ngoại ngữ: 04 ĐVHT

3. Thi tốt nghiệp:

- Ngoại ngữ chuyên ngành: 02 ĐVHT

- Chuyên ngành:

+ Lý thuyết: 02 ĐVHT

+ Thực hành: 04 ĐVHT

+ Trình luận văn tốt nghiệp: 04 ĐVHT

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Nguyễn Hoàng Bắc

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO BÁC SĨ NỘI TRÚ (150 ĐVHT)

CHUYÊN NGÀNH: THẦN KINH; MÃ SỐ: NT 62 72 21 40

(Kèm theo Quyết định số 4832/QĐ-ĐHYD ngày 31 tháng 12 năm 2020)

STT	Tên chứng chỉ	Số ĐVHT	Lý thuyết	Thực hành	Bộ môn giảng dạy
I. Phần chung: 22 ĐVHT					
1.	Triết học	4	4	0	Bộ môn Triết
2.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	2	1	TT Giáo dục Y học
3.	Sư phạm y học	3	2	1	TT Giáo dục Y học
4.	Ngoại ngữ	3	2	1	Bộ môn Ngoại ngữ
5.	Tin học nâng cao	3	2	1	Bộ môn Tin học
6.	Sinh học phân tử	3	2	1	TT Sinh học phân tử
7.	Y đức - Xã hội học	3	2	1	Bộ môn YĐXHH
II. Cơ sở - Hỗ trợ: 23 ĐVHT					
1.	Thống kê y học	3	2	1	Bộ môn Thống kê Y học và Tin học
2.	Chẩn đoán hình ảnh	5	2	3	Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh
3.	Hồi sức và cấp cứu	5	2	3	Bộ môn Hồi sức cấp cứu và chống độc
4.	Chăm sóc giảm nhẹ	5	2	3	Bộ môn Chăm sóc giảm nhẹ
5.	Viết báo cáo khoa học đăng tạp chí quốc tế	5	2	3	Khoa Y tế công cộng
III. Chuyên ngành: 77 ĐVHT					
1. Lý thuyết - Thực hành: 45 ĐVHT					
1.	Chẩn đoán định khu thần kinh	4	2	2	Bộ môn Thần kinh
2.	Khoa học thần kinh cơ bản	4	2	2	Bộ môn Thần kinh
3.	Các xét nghiệm bổ trợ trong thần kinh học	2	1	1	Bộ môn Thần kinh
4.	Các rối loạn tâm thần cơ bản	4	2	2	Bộ môn Tâm thần
5.	Động kinh	4	1	3	Bộ môn Thần kinh
6.	Bệnh lý mạch máu não	6	2	4	Bộ môn Thần kinh
7.	Rối loạn vận động	3	1	2	Bộ môn Thần kinh
8.	Bệnh thần kinh cơ	4	2	2	Bộ môn Thần kinh
9.	Bệnh mất myelin hệ thần kinh trung ương	3	1	2	Bộ môn Thần kinh

10.	Nhiễm trùng thần kinh	3	1	2	Bộ môn Thần kinh
11.	Sa sút trí tuệ	4	2	2	Bộ môn Thần kinh
12.	Thần kinh nhi	4	2	2	Bộ môn Thần kinh
2. Kỹ năng thực hành: 32 ĐVHT					
STT	Tên kỹ năng thực hành	Số ĐVHT	Lý thuyết	Thực hành	Bộ môn giảng dạy
1.	Kỹ thuật đo và đọc điện não đồ	10	0	10	Bộ môn Thần kinh
2.	Kỹ thuật đo và đọc điện cơ	10	0	10	Bộ môn Thần kinh
3.	Chọc dò dịch não tủy	2	0	2	Bộ môn Thần kinh
4.	Kỹ thuật chích Botulinum Toxin	10	0	10	Bộ môn Thần kinh

IV. Phần tốt nghiệp: 28 ĐVHT

1. Viết luận văn tốt nghiệp: 06 ĐVHT

2. Ôn thi:

- Chuyên môn: 06 ĐVHT

- Ngoại ngữ: 04 ĐVHT

3. Thi tốt nghiệp:

- Ngoại ngữ chuyên ngành: 02 ĐVHT

- Chuyên ngành:

+ Lý thuyết: 02 ĐVHT

+ Thực hành: 04 ĐVHT

+ Trình luận văn tốt nghiệp: 04 ĐVHT

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Nguyễn Hoàng Bắc

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO BÁC SĨ NỘI TRÚ (150 ĐVHT)

CHUYÊN NGÀNH: TRUYỀN NHIỄM; MÃ SỐ: NT 62 72 38 01

(Kèm theo Quyết định số 4832/QĐ-ĐHYD ngày 31 tháng 12 năm 2020)

STT	Tên chứng chỉ	Số ĐVHT	Lý thuyết	Thực hành	Bộ môn giảng dạy
I. Phần chung: 22 ĐVHT					
1.	Triết học	4	4	0	Bộ môn Triết
2.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	2	1	TT Giáo dục Y học
3.	Sư phạm y học	3	2	1	TT Giáo dục Y học
4.	Ngoại ngữ	3	2	1	Bộ môn Ngoại ngữ
5.	Tin học nâng cao	3	2	1	Bộ môn Tin học
6.	Sinh học phân tử	3	2	1	TT Sinh học phân tử
7.	Y đức - Xã hội học	3	2	1	Bộ môn YĐXHH
II. Cơ sở - Hỗ trợ: 23 ĐVHT					
1.	Thống kê y học	3	2	1	Bộ môn Thống kê Y học và Tin học
2.	Chẩn đoán hình ảnh	5	2	3	Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh
3.	Hồi sức và cấp cứu	5	2	3	Bộ môn Hồi sức cấp cứu và chống độc
4.	Chăm sóc giảm nhẹ	5	2	3	Bộ môn Chăm sóc giảm nhẹ
5.	Viết báo cáo khoa học đăng tạp chí quốc tế	5	2	3	Khoa Y tế công cộng
III. Chuyên ngành: 77 ĐVHT					
1. Lý thuyết - Thực hành: 45 ĐVHT					
1.	Đại cương bệnh học nhiễm trùng	3	2	1	Bộ môn Nhiễm
2.	Bệnh nhiễm vi trùng	9	6	3	Bộ môn Nhiễm
3.	Bệnh nhiễm siêu vi	9	6	3	Bộ môn Nhiễm
4.	Bệnh nhiễm ký sinh trùng, vi nấm và Rickettsia	4,5	3	1,5	Bộ môn Nhiễm
5.	Kỹ thuật chẩn đoán vi sinh- miễn dịch- hình ảnh	1,5	1	0,5	Bộ môn Nhiễm
6.	Hồi sức cấp cứu trong bệnh nhiễm	6	3	3	Bộ môn Nhiễm
7.	Ứng dụng phương pháp dịch tễ trong nghiên cứu bệnh nhiễm	6	1,5	4,5	Bộ môn Nhiễm
8.	Kháng sinh trong điều trị bệnh nhiễm trùng	4	2	2	Bộ môn Nhiễm
9.	Phòng ngừa bệnh nhiễm	4	2	2	Bộ môn Nhiễm
10.	Bệnh nhiễm trùng mới nổi	3	1,5	1,5	Bộ môn Nhiễm
11.	Bệnh lây truyền từ động vật	3	1,5	1,5	Bộ môn Nhiễm

2. Kỹ năng thực hành: 32 ĐVHT					
STT	Tên kỹ năng thực hành	Số ĐVHT	Lý thuyết	Thực hành	Bộ môn giảng dạy
1.	Hồi sức hô hấp: đặt nội khí quản, mở khí quản (uốn ván, bạch hầu), thở máy (viêm phổi vi trùng, cúm), lấy khí máu động mạch	4	0	4	Bộ môn Nhiễm
2.	Đặt catheter động mạch, tĩnh mạch; bộc lộ tĩnh mạch trong hồi sức tuần hoàn bệnh nhiễm	4	0	4	Bộ môn Nhiễm
3.	Chọc dò tủy sống, tủy xương; chọc dò màng bụng, màng phổi	2	0	2	Bộ môn Nhiễm
4.	Lọc máu bệnh nhân suy thận do nhiễm trùng huyết, sốt rét ác tính	3	0	3	Bộ môn Nhiễm
5.	Sử dụng dung dịch tinh thể, cao phân tử, thuốc vận mạch (Sốc nhiễm trùng, sốt xuất huyết Dengue)	3	0	3	Bộ môn Nhiễm
6.	Tham vấn cho bệnh nhân HIV/AIDS, viêm gan siêu vi B, C	2	0	2	Bộ môn Nhiễm
7.	Tham vấn điều trị và phòng ngừa bệnh nhiễm, chống dịch (Sốt xuất huyết Dengue, cúm, tay chân miệng)	2	0	2	Bộ môn Nhiễm
8.	Lấy mẫu bệnh phẩm để làm xét nghiệm chẩn đoán bệnh nhiễm trùng	2	0	2	Bộ môn Nhiễm
9.	Làm và nhuộm lam máu chẩn đoán bệnh nhiễm	2	0	2	Bộ môn Nhiễm

IV. Phần tốt nghiệp: 28 ĐVHT

1. Viết luận văn tốt nghiệp: 06 ĐVHT

2. Ôn thi:

- Chuyên môn: 06 ĐVHT

- Ngoại ngữ: 04 ĐVHT

3. Thi tốt nghiệp:

- Ngoại ngữ chuyên ngành: 02 ĐVHT

- Chuyên ngành:

+ Lý thuyết: 02 ĐVHT

+ Thực hành: 04 ĐVHT

+ Trình luận văn tốt nghiệp: 04 ĐVHT

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Nguyễn Hoàng Bắc

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO BÁC SĨ NỘI TRÚ (150 ĐVHT)

CHUYÊN NGÀNH: UNG THƯ; MÃ SỐ: NT 62 72 23 01

(Kèm theo Quyết định số 4832/QĐ-ĐHYD ngày 31 tháng 12 năm 2020)

STT	Tên chứng chỉ	Số ĐVHT	Lý thuyết	Thực hành	Bộ môn giảng dạy
I. Phần chung: 22 ĐVHT					
1.	Triết học	4	4	0	Bộ môn Triết
2.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	2	1	TT Giáo dục Y học
3.	Sư phạm y học	3	2	1	TT Giáo dục Y học
4.	Ngoại ngữ	3	2	1	Bộ môn Ngoại ngữ
5.	Tin học nâng cao	3	2	1	Bộ môn Tin học
6.	Sinh học phân tử	3	2	1	TT Sinh học phân tử
7.	Y đức - Xã hội học	3	2	1	Bộ môn YĐXHH
II. Cơ sở - Hỗ trợ: 23 ĐVHT					
1.	Thống kê y học	3	2	1	Bộ môn Thống kê Y học và Tin học
2.	Chẩn đoán hình ảnh	5	2	3	Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh
3.	Hồi sức và cấp cứu	5	2	3	Bộ môn Hồi sức cấp cứu và chống độc
4.	Chăm sóc giảm nhẹ	5	2	3	Bộ môn Chăm sóc giảm nhẹ
5.	Viết báo cáo khoa học đăng tạp chí quốc tế	5	2	3	Khoa Y tế công cộng
III. Chuyên ngành: 77 ĐVHT					
1. Lý thuyết - Thực hành: 45 ĐVHT					
1.	Sinh học ung thư – Diễn tiến tự nhiên – Phòng ngừa và tầm soát ung thư	3	1,5	1,5	Bộ môn Ung thư
2.	Các phương pháp điều trị ung thư, quan điểm điều trị đa mô thức	3	1,5	1,5	Bộ môn Ung thư
3.	Ung thư vú, phụ khoa	6	2	4	Bộ môn Ung thư
4.	Ung thư đường tiêu hóa	6	2	4	Bộ môn Ung thư
5.	Ung thư vùng đầu và cổ	4,5	1,5	3	Bộ môn Ung thư
6.	Ung thư tổng quát	4,5	1,5	3	Bộ môn Ung thư
7.	Cấp cứu nội khoa ung thư	3	1,5	1,5	Bộ môn Ung thư
8.	Cấp cứu ngoại khoa ung thư	3	1,5	1,5	Bộ môn Ung thư

9.	Chăm sóc giảm nhẹ trong ung thư	6	3	3	Bộ môn Ung thư
10.	Ngoại cơ sở và cấp cứu bụng	6	3	3	Bộ môn Ngoại tổng quát
2. Kỹ năng thực hành: 32 ĐVHT					
STT	Tên kỹ năng thực hành	Số ĐVHT	Lý thuyết	Thực hành	Bộ môn giảng dạy
1.	Thực hiện được kỹ thuật sinh thiết 1 phần các tổn thương ung thư: da, dương vật, âm hộ, hóc miệng	4	0	4	Bộ môn Ung thư
2.	Thực hiện được kỹ thuật sinh thiết trọn buồng sỏi tuyến vú, hạch cổ, nách bên	4	0	4	Bộ môn Ung thư
3.	Thực hiện được kỹ thuật cắt rộng ung thư da kích thước nhỏ	4	0	4	Bộ môn Ung thư
4.	Thực hiện được kỹ thuật cấp cứu ngoại khoa: khai khí đạo cấp cứu, dẫn lưu màng phổi	4	0	4	Bộ môn Ung thư
5.	Thực hiện được kỹ thuật hóa trị theo từng phác đồ cụ thể	4	0	4	Bộ môn Ung thư
6.	Thực hiện được kỹ thuật bơm xơ hóa màng phổi	4	0	4	Bộ môn Ung thư
7.	Thực hiện được mô phỏng xạ trị 2D ung thư vú và ung thư đại trực tràng	4	0	4	Bộ môn Ung thư
8.	Thực hiện được kỹ thuật xạ trị trong nẹp nguồn sau điều trị ung thư cổ tử cung	4	0	4	Bộ môn Ung thư

IV. Phần tốt nghiệp: 28 ĐVHT

1. Viết luận văn tốt nghiệp: 06 ĐVHT

2. Ôn thi:

- Chuyên môn: 06 ĐVHT

- Ngoại ngữ: 04 ĐVHT

3. Thi tốt nghiệp:

- Ngoại ngữ chuyên ngành: 02 ĐVHT

- Chuyên ngành:

+ Lý thuyết: 02 ĐVHT

+ Thực hành: 04 ĐVHT

+ Trình luận văn tốt nghiệp: 04 ĐVHT

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO BÁC SĨ NỘI TRÚ (150 ĐVHT)

CHUYÊN NGÀNH: Y HỌC CỔ TRUYỀN; MÃ SỐ: NT 62 72 60 01

(Kèm theo Quyết định số 4832/QĐ-ĐHYD ngày 31 tháng 12 năm 2020)

STT	Tên chứng chỉ	Số ĐVHT	Lý thuyết	Thực hành	Bộ môn giảng dạy
I. Phần chung: 22 ĐVHT					
1.	Triết học	4	4	0	Bộ môn Triết
2.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	2	1	TT Giáo dục Y học
3.	Sư phạm y học	3	2	1	TT Giáo dục Y học
4.	Ngoại ngữ	3	2	1	Bộ môn Ngoại ngữ
5.	Tin học nâng cao	3	2	1	Bộ môn Tin học
6.	Sinh học phân tử	3	2	1	TT Sinh học phân tử
7.	Y đức - Xã hội học	3	2	1	Bộ môn YĐXHH
II. Cơ sở - Hỗ trợ: 23 ĐVHT					
1.	Thống kê y học	3	2	1	Bộ môn Thống kê Y học và Tin học
2.	Y học cổ truyền cơ sở	2	2	0	Khoa Y học cổ truyền
3.	Dược lý cổ truyền và hiện đại	4	2	2	Khoa Y học cổ truyền
4.	Nghiên cứu thực nghiệm y dược học cổ truyền	4	2	2	Khoa Y học cổ truyền
5.	Nội tiết	5	3	2	Bộ môn Nội tiết
6.	Nội thần kinh	5	3	2	Bộ môn Thần kinh
III. Chuyên ngành: 77 ĐVHT					
1. Lý thuyết - Thực hành: 45 ĐVHT					
1.	Bệnh học và điều trị kết hợp Y học cổ truyền 1: Tim mạch - Hô hấp	4	2	2	Bộ môn Nội khoa đông y
2.	Bệnh học và điều trị kết hợp Y học cổ truyền 3: Cơ xương khớp	4	2	2	Bộ môn Nội khoa đông y
3.	Bệnh học và điều trị kết hợp Y học cổ truyền 4: Lão khoa	4	2	2	Bộ môn Nội khoa đông y
4.	Bệnh học và điều trị kết hợp Y học cổ truyền 5: Thần kinh	4	2	2	Bộ môn Châm cứu
5.	Bệnh học và điều trị kết hợp Y học cổ truyền 2: Tiêu hóa – Gan mật	4	2	2	Bộ môn Nội khoa đông y
6.	Bệnh học và điều trị kết hợp Phụ khoa	4	2	2	Bộ môn Nhi khoa đông y
7.	Bệnh học và điều trị kết hợp Ngoài da	4	2	2	Bộ môn Nhi khoa đông y
8.	Dưỡng sinh nâng cao & Bảo vệ sức khỏe	1	1	0	Bộ môn Dưỡng sinh

9.	Tim mạch	4	2	2	Bộ môn Nội tổng quát
10.	Hô hấp	4	2	2	Bộ môn Nội tổng quát
11.	Tiêu hoá	4	2	2	Bộ môn Nội tổng quát
12.	Thận	4	2	2	Bộ môn Nội tổng quát
2. Kỹ năng thực hành: 32 ĐVHT					
STT	Tên kỹ năng thực hành	Số ĐVHT	Lý thuyết	Thực hành	Bộ môn giảng dạy
1.	Kỹ năng thê châm	4	0	4	Bộ môn Châm cứu
2.	Kỹ năng nhĩ châm	4	0	4	Bộ môn Châm cứu
3.	Kỹ năng cây chỉ	4	0	4	Bộ môn Châm cứu
4.	Kỹ năng tứ chẩn (vọng, vân, vấn, thiết)	4	0	4	Bộ môn Nội khoa đông y
5.	Kỹ năng xoa bóp bấm huyệt	3	0	3	Bộ môn Dưỡng sinh
6.	Kỹ năng tập luyện dưỡng sinh	3	0	3	Bộ môn Dưỡng sinh
7.	Kỹ năng bào chế thuốc y học cổ truyền	4	0	4	Bộ môn Bào chế đông dược
8.	Kỹ năng hồi sức cấp cứu	6	0	6	Bộ môn Hồi sức cấp cứu và chống độc

IV. Phần tốt nghiệp: 28 ĐVHT

1. Viết luận văn tốt nghiệp: 06 ĐVHT

2. Ôn thi:

- Chuyên môn: 06 ĐVHT

- Ngoại ngữ: 04 ĐVHT

3. Thi tốt nghiệp:

- Ngoại ngữ chuyên ngành: 02 ĐVHT

- Chuyên ngành:

+ Lý thuyết: 02 ĐVHT

+ Thực hành: 04 ĐVHT

+ Trình luận văn tốt nghiệp: 04 ĐVHT

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Nguyễn Hoàng Bắc